

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Gió đảo chiều, chứng khoán hướng về đỉnh mới

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đông Thanh Tuấn

tuan.dt@miraeasset.com.vn

NỘI DUNG

[Tóm tắt]

- | | |
|---|-----------|
| ① Bối cảnh toàn cầu | 5 |
| Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ chính thức hạ lãi suất
Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc công bố một loạt chính sách kích cầu | |
| ② Thị trường tiền tệ | 9 |
| Tỷ giá USD/VND
Lãi suất liên ngân hàng
Trái phiếu Chính phủ | |
| ③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp | 11 |
| Hoạt động phát hành
Hoạt động mua lại trước hạn | |
| ④ Thị trường chứng khoán Việt Nam | 16 |
| Diễn biến giao dịch
Thống kê theo ngành
Phân loại giá trị giao dịch theo các nhóm nhà đầu tư
Triển vọng tháng 10 | |



[Tóm tắt]

Bối cảnh toàn cầu:

- **Mỹ:** Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) chính thức hạ lãi suất lần đầu tiên sau hai năm với biên độ 50 điểm cơ bản. Với biên bản dự phóng kinh tế của các thành viên FOMC, Fed vẫn tin vào kịch bản “hạ cánh mềm” và lạm phát không còn là nỗi lo lớn.
- **Trung Quốc:** Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc công bố một loạt chính sách kích thích kinh tế. Dù thế, hiệu quả của chính sách vẫn là một ẩn số lớn khi Trung Quốc cần phải đối mặt với các thách thức mang tính chiến lược hơn như thất nghiệp và niềm tin tiêu dùng và đầu tư.

Thị trường tiền tệ:

- Mức mất giá của VNĐ so với USD kể từ đầu năm đã hạ nhiệt đáng kể chỉ còn 1,3%.
- Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục được neo quanh vùng 4% theo lãi suất phát hành của hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP).
- Trong tháng 9, Kho bạc Nhà nước thành công huy động gần 33,4 nghìn tỷ đồng thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ với lợi suất trúng thầu bình quân đối với các kỳ hạn không ghi nhận sự thay đổi đáng kể so với trước đó.

Trái phiếu doanh nghiệp:

- **Trong tháng 9, thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) ghi nhận 26 đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị huy động đạt hơn 24 nghìn tỷ đồng;** nâng tổng giá trị huy động thông qua TPDN tính từ đầu năm đạt hơn 266 nghìn tỷ đồng (+67% YoY).
- **Theo thông tin đến từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), đã có 58 giao dịch mua lại trái phiếu trước hạn được công bố kể từ ngày 01/09 đến ngày 30/09 với tổng giá trị mua lại trước hạn ghi nhận gần 16,6 nghìn tỷ đồng.**
 - Tính từ đầu năm đến nay, các doanh nghiệp phát hành đã mua lại tổng lượng trái phiếu trước hạn lên đến hơn 131 nghìn tỷ đồng (-27% YoY). Trong đó, các tổ chức tín dụng tiêu biểu là các ngân hàng thương mại là nhóm nhân tố chính trong hoạt động mua lại trái phiếu trước hạn với tổng giá trị của toàn ngành ghi nhận hơn 97 nghìn tỷ đồng và chiếm gần 74% tổng giá trị mua lại toàn thị trường. Phần còn lại thuộc về nhóm Bất động sản (11,8%) và Sản xuất (5,95%).

[Tóm tắt]

Thị trường chứng khoán tại Việt Nam:

1) Tổng quan thị trường trong tháng 9:

- VN-Index kéo dài xu hướng tăng sang tháng thứ 3 liên tiếp với mức tăng chỉ hơn 4 điểm trong tháng 9 và đóng cửa tại 1.287,94 (+0,32% MoM).
- Nhóm Ngân hàng đóng góp phần lớn đến đà tăng của VN-Index trong các nhóm còn lại gần như đều ghi nhận sụt giảm vốn hóa.

2) Hoạt động giao dịch trong tháng 9:

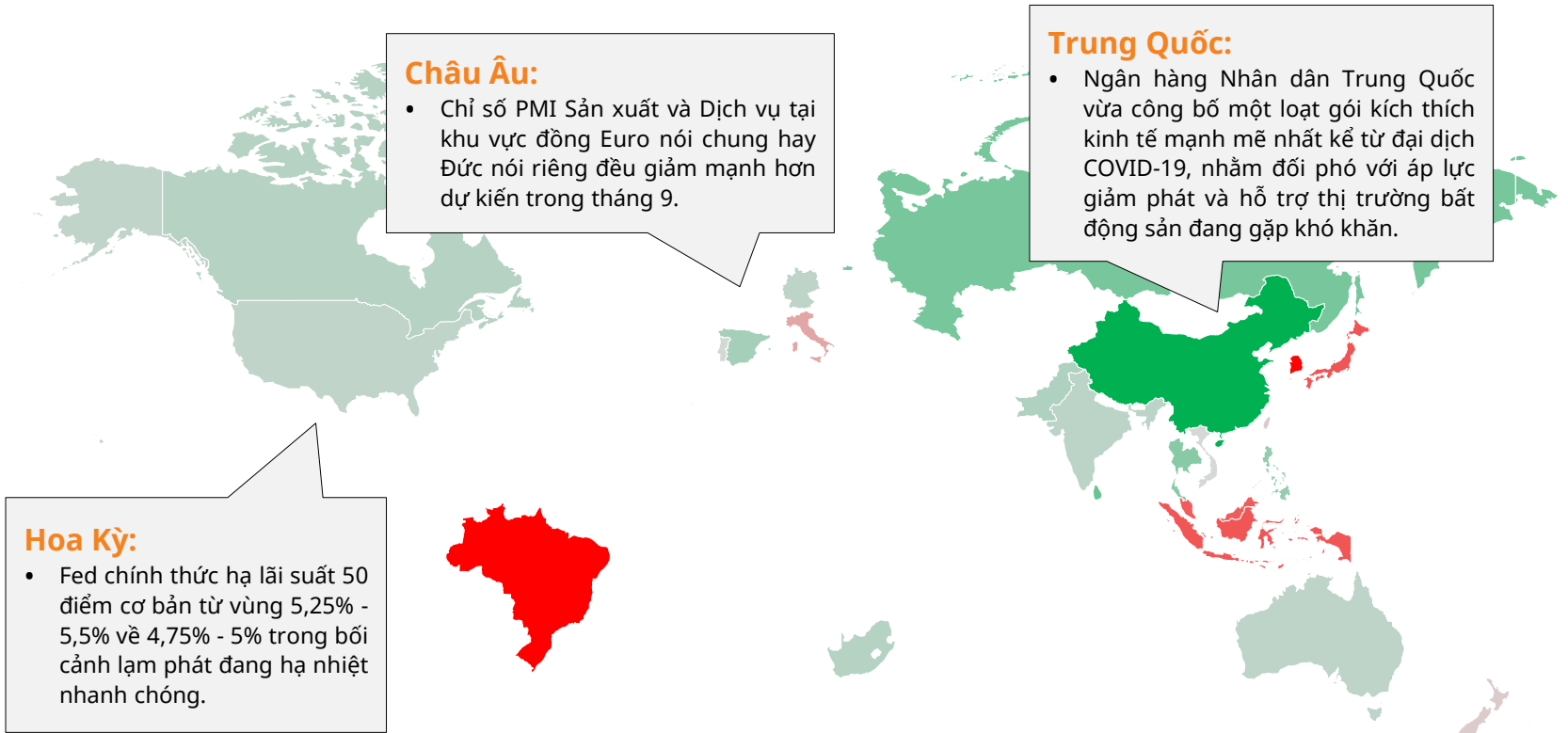
- Giá trị giao dịch khớp lệnh tiếp tục sụt giảm 7,3% MoM và đạt bình quân 13,6 nghìn tỷ đồng.
- Nhà đầu tư cá nhân trong nước trở lại mua ròng 5,3 nghìn tỷ đồng, sau khi bán ròng 3,6 nghìn tỷ trong tháng 8.
- Khối ngoại bán ròng 2,11 nghìn tỷ đồng cùng với nhà đầu tư tổ chức trong nước bán ròng 3,2 nghìn tỷ đồng.
- Quỹ ETF rút ròng 28,4 triệu USD trong tháng 8, mức thấp nhất kể từ tháng 2/2024.

3) Triển vọng trong tháng 10:

- Diễn biến phân hóa giữa các nhóm ngành và sự cô đọng của dòng tiền tại các cổ phiếu Ngân hàng đã phần nào phản ánh tín hiệu suy yếu trên diện rộng của thị trường trong bối cảnh các câu chuyện tăng trưởng dần trở nên thiếu thuyết phục đối với các nhà đầu tư.
- **Triển vọng về thị trường Việt Nam:** (1) Trong ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ tìm được vùng hỗ trợ tại 1.280 điểm và tiếp tục hướng về vùng cản tâm lý 1.300 điểm; (2) Dù vậy, rung lắc có thể sẽ xuất hiện khi tâm lý chốt lời tăng cao khi VN-Index vượt vùng cản tâm lý và xu hướng này có thể kéo dài đến khi VN-Index chinh phục thành công mốc 1.330 điểm.
- **Rủi ro và các yếu tố cần theo dõi:** (1) Sự phụ thuộc của thị trường đối với ngành Ngân hàng có khả năng sẽ dẫn đến các phiên điều chỉnh mang tính quay về vùng giá cân bằng mới trong bối cảnh một số cổ phiếu Ngân hàng đã và đang giao dịch tại vùng đỉnh lịch sử; (2) Sự thiếu vắng của dòng tiền tại các nhóm ngành còn lại sẽ khiến thị trường thiếu đi bộ đệm cần thiết nếu áp lực chốt lời quay lại đối với nhóm cổ phiếu Ngân hàng; đặc biệt khi tỷ trọng vốn hóa của các nhóm này tương đối thấp so với ngành Ngân hàng.

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	Tháng 9
Việt Nam	VN-Index	1.287,94	0,32%
Mỹ	S&P 500	5.762,48	2,02%
Canada	TSX	24.000,37	2,80%
Nhật	Nikkei 225	37.919,55	-1,88%
Trung Quốc	SHCOMP	3.336,50	17,39%
Hồng Kông	Hang Seng	21.133,68	17,48%
Đài Loan	TWSE	22.224,54	-0,20%
Hàn Quốc	KOSPI	2.593,27	-3,03%
Ấn Độ	SENSEX	84.299,78	2,35%
Indonesia	JCI	7.527,93	-1,86%
Thái Lan	SET	1.448,83	6,60%
Singapore	STI	3.585,29	4,13%
Malaysia	FBMKLCI	1.648,91	-1,78%
Philippines	PSEi	7.272,65	5,44%
UK	FTSE 100	8.236,95	-1,67%
Pháp	CAC 40	7.635,75	0,06%
Đức	DAX	19.324,93	2,21%
Ý	IT 40	34.125,26	-0,72%
Tây Ban Nha	ES35	11.877,30	4,17%
Bồ Đào Nha	PSI 20	6.792,87	0,48%
Nga	MOEX	2.857,56	7,83%
Úc	ASX 200	8.269,83	2,20%
New Zealand	NZX 50	12.423,82	-0,19%
Brazil	BOVESPA	131.816,44	-3,08%
CH Nam Phi	SA40	78.506,28	2,90%
Pakistan	KSE 100	81.173,57	3,35%
Sri Lanka	Colombo	11.855,05	9,07%



① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Cập nhật bối cảnh vĩ mô toàn cầu

TÍCH CỰC

TIÊU CỰC

Mỹ

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hạ nhiệt đáng kể trong tháng 8, ghi nhận mức tăng 2,5% YoY (tháng 7: 2,9%) với giá xăng dầu là yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến đà giảm của lạm phát (CPI đối với các mặt hàng xăng dầu giảm 4% YoY và 0,8% MoM). Dù vậy, CPI cơ bản (không bao gồm thực phẩm và xăng dầu) giữ nguyên mức tăng 3,2% YoY trong tháng 8.
- Diễn biến tương tự được ghi nhận tại chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) khi ghi nhận mức tăng 2,2% YoY (tháng 7: 2,5%) trong khi PCE cơ bản tăng nhẹ từ 2,649% lên 2,678% YoY trong tháng 8; đặc biệt, PCE đối với các mặt hàng xăng dầu giảm 10,1% YoY.
- Số lượng cơ hội việc làm tại Mỹ bật tăng trong tháng 8 sau hai tháng giảm liên tiếp. Cụ thể, báo cáo JOLTS về số lượng việc làm ghi nhận mức tăng 329K lên 8,04 triệu trong tháng 8 với tỷ lệ số lượng công việc hiện hữu trên số lượng lao động thất nghiệp được cải thiện từ 1,08 trong tháng 7 lên 1,13.
- Báo cáo bảng lương theo ADP ghi nhận các doanh nghiệp tư nhân đã tuyển thêm 143K lao động mới trong tháng 9, mức cao nhất trong ba tháng qua. Một số ngành tuyển dụng lao động lớn trong tháng bao gồm dịch vụ nhà hàng khách sạn (34K), giáo dục (24K) và xây dựng (26K).
- Chỉ số niềm tin tiêu dùng đến từ Đại học Michigan ghi nhận mức cao nhất trong 5 tháng vừa qua tại 70,1 điểm khi người tiêu dùng dần trở nên lạc quan hơn về bối cảnh kinh tế hiện tại (tăng từ 62,9 điểm lên 63,3 điểm).
- Sản lượng công nghiệp phục hồi trong tháng 8 với tăng trưởng so với tháng trước đạt 0,8% MoM (tháng 7: -0,9%) và đồng thời ghi nhận tăng trưởng 0% YoY (tháng 7: -0,7% YoY). Diễn biến này được dẫn dắt bởi sự phục hồi tương đối của các hoạt động sản xuất (+0,9% MoM so với -0,7% của tháng 7).
- Fed chính thức hạ lãi suất 50 điểm cơ bản từ vùng 5,25% - 5,5% về 4,75% - 5%** trong bối cảnh lạm phát đang hạ nhiệt nhanh chóng và tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức tương đối cao so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh số bán lẻ giảm tốc trong tháng 8 với mức tăng 2,1% YoY (tháng 7: 2,9%) sau khi không còn hưởng lợi từ yếu tố đóng góp tăng trưởng một lần từ sự bùng nổ doanh số của ô tô trong tháng 7. Trong đó, doanh số bán lẻ không bao gồm các mặt hàng ô tô đã liên tục giảm tốc kể từ tháng 6 với tăng trưởng chỉ đạt 0,1% MoM trong tháng 8.
- Chỉ số PMI Sản xuất theo khảo sát của S&P Global đã ghi nhận mức thấp nhất kể từ tháng 6/2023 tại 47,3 điểm trong tháng 8.
- Bài phát biểu của Chủ tịch Fed Jerome Powell vào ngày 01/10 đã dập tắt hy vọng của nhà đầu tư rằng Fed sẽ hạ lãi suất lên đến 50 điểm cơ bản trong kỳ họp tháng 11** khi nhấn mạnh về tính bền vững của các hoạt động kinh tế và lạm phát đã hạ nhiệt đáng kể. Tại đây, chúng tôi nhận thấy Fed vẫn đang tiếp tục thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ thông qua thu hẹp bảng cân đối tài sản bằng cách cho phép đáo hạn hoặc mua lại các hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP) thay vì sử dụng chính sách nới lỏng định lượng kết hợp cùng với việc hạ lãi suất. Qua đó, chúng tôi cho rằng Fed sẽ gặp khó trong việc giảm lãi suất với quy mô đang được thị trường kỳ vọng.

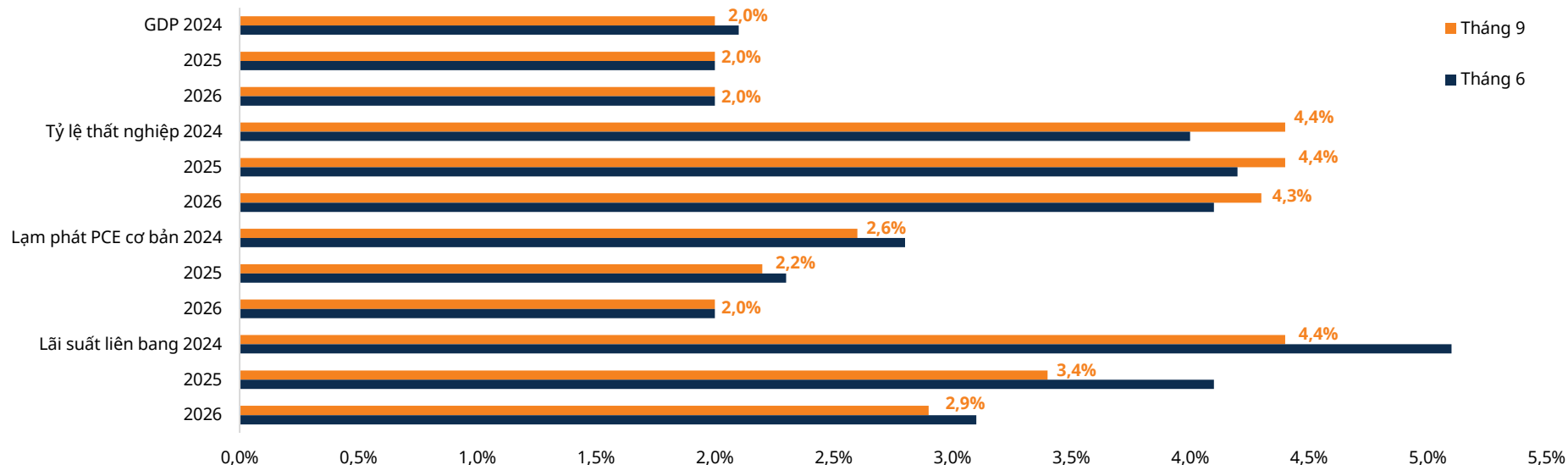
Đánh giá: Lộ trình giảm lãi suất của Fed đã được nâng lên đáng kể so với biên bản dự phóng kinh tế trong tháng 6. Tại đây, Fed dự kiến giảm 100 điểm cơ bản với 50 điểm cơ bản đã được dùng trong kỳ họp tháng 9. Bối cảnh lạm phát vẫn đang theo đúng kỳ vọng của các thành viên FOMC trong khi thị trường lao động vẫn chưa có dấu hiệu suy yếu đáng kể để Fed cần phải hành động mạnh tay như thị trường vẫn đang kỳ vọng – giảm thêm 50 điểm cơ bản ở kỳ họp tháng 11. Nhìn chung, chúng tôi cho rằng sức khỏe tiêu dùng thể hiện qua doanh số bán lẻ sẽ là yếu tố then chốt cần theo dõi trong thời gian tới đối với Hoa Kỳ khi người tiêu dùng đang dần có sự chuyển dịch chi tiêu sang các mặt hàng thiết yếu hơn, nợ xấu đang tăng cao và tăng trưởng thu nhập ở hiện tại vẫn chưa theo kịp diễn biến chung của biến động giá cả trong thời gian qua. Qua đó, sụt giảm trong tiêu dùng dẫn đến giảm tốc trong tăng trưởng GDP có thể sẽ khiến Fed phải một lần nữa bắt kịp diễn biến chung của thị trường thông qua các đợt cắt lãi suất mạnh tay nhằm tránh tình trạng đình lạm gây ra bởi bất cân đối trong chính sách tiền tệ.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Lạm phát không còn là trở ngại, Fed dồn sự tập trung sang thị trường lao động

- Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) chính thức hạ lãi suất lần đầu tiên sau hai năm với biên độ 50 điểm cơ bản, vượt xa kỳ vọng ban đầu của thị trường.
- Theo kỳ vọng chung của các thành viên thuộc Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC), có thể sẽ có thêm hai đợt cắt giảm lãi suất nữa trong năm 2024, mỗi đợt 25 điểm cơ bản. Đối với năm 2025, biên bản dự phóng kinh tế cho thấy khả năng Fed sẽ tiếp tục giảm thêm 100 điểm cơ bản, dần đưa lãi suất về mức trung lập ("neutral"). Lãi suất dài hạn dự kiến sẽ được neo tại 2,9%, tăng nhẹ so với mức 2,8% được dự báo vào tháng 6.
- **Đáng chú ý, các dự báo kinh tế của FOMC tiếp tục ủng hộ kịch bản 'hạ cánh mềm'**. Tăng trưởng GDP được dự báo sẽ duy trì ở mức trung bình 2% trong ba năm tới, mặc dù con số cho năm 2024 đã được điều chỉnh giảm nhẹ từ 2,1% xuống 2%. Trong đó, Fed dần chuyển sự tập trung sang thị trường lao động khi đưa ra dự phóng tỷ lệ thất nghiệp sẽ tiếp tục gia tăng lên 4,4% vào cuối năm 2024 trong bối cảnh áp lực lạm phát dường như đã giảm đáng kể.
- Trên thực tế, chỉ số CPI và PCE đều đã hạ nhiệt đáng kể trong tháng 8 khi ghi nhận mức tăng lần lượt 2,5% YoY (tháng 7: 2,9%) và 2,2% YoY (tháng 7: 2,5%) và đều tịnh tiến dần đều về mục tiêu lạm phát 2% của Fed. Tuy nhiên, xu hướng suy giảm lạm phát tuy vẫn hiện hữu nhưng yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đối với lạm phát trong tháng 8 đến từ việc so sánh giá xăng dầu so với cùng kỳ năm trước (giá dầu WTI trên hợp đồng tương lai giảm gần 25% YoY) trong khi chỉ số CPI và PCE cơ bản đều gần như giữ nguyên (CPI cơ bản giữ nguyên mức tăng 3,2% YoY) hay thậm chí tăng nhẹ (PCE cơ bản tăng nhẹ từ 2,6% lên 2,7 YoY trong tháng 8). Qua đó, chúng tôi cho rằng lộ trình hạ lãi suất trong thời gian tới sẽ phụ thuộc phần lớn vào (a) Thị trường lao động: tỷ lệ thất nghiệp và số lượng việc làm mới; (b) Hoạt động sản xuất và tiêu dùng: PMI Sản xuất theo thống kê của S&P Global đã giảm về mức thấp nhất kể từ tháng 6/2023 tại 47,3 trong khi hoạt động tiêu dùng có phần giảm tốc khi doanh số bán lẻ không bao gồm ô tô ghi nhận tốc độ tăng trưởng qua từng tháng liên tục sụt giảm kể từ tháng 6.

Biên bản dự phóng kinh tế theo các thành viên FOMC vào ngày 17 - 18/09



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ Ủy ban Thị trường mở liên Bang (FOMC), cập nhật tới 18/09/2024

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Cập nhật bối cảnh vĩ mô toàn cầu (tiếp theo)

TÍCH CỰC

- **CPI tiếp tục tăng tốc trong tháng 8 và tăng 0,6% YoY (tháng 7: +0,5% YoY);** phần lớn tác động đến từ giá lương thực thực phẩm tăng mạnh trong tháng 8 (CPI thực phẩm tăng 2,8% YoY trong tháng 8, tăng mạnh so với mức tăng 0% YoY trong tháng 7 và chuỗi giảm phát kéo dài 12 tháng trước đó) dưới ảnh hưởng của khí hậu khắc nghiệt đến từ mưa lũ khiến 15 tỉnh tại Trung Quốc rơi vào tình trạng báo động khẩn cấp.
- **Xuất khẩu bất ngờ tăng tốc trong tháng 8 với tăng trưởng mạnh hơn dự kiến tại 8,7% YoY (tháng 7: 7% YoY);** đây cũng là mức tăng trưởng lớn nhất kể từ tháng 3/2023 trong bối cảnh các nhà sản xuất tại Trung Quốc cố gắng xả một lượng lớn hàng tồn kho sang các đối tác thương mại như US (xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng trưởng 4,9% YTD), EU (+13,4% YoY trong tháng 8) và Đông Nam Á (doanh số xuất khẩu tăng 8,8% YoY) nhằm bù đắp lại nhu cầu tiêu dùng đang suy yếu của thị trường nội địa.
 - Dù thế, triển vọng tăng trưởng GDP nhờ vào hoạt động xuất khẩu có thể sẽ gặp các khó khăn nhất định khi các đối tác thương mại lớn của TQ như Ấn Độ, Malaysia, EU, Canada và Hoa Kỳ đều đã và đang chuẩn bị các rào cản thương mại như nâng mức thuế quan nhập khẩu đối với các mặt hàng nhập khẩu từ TQ như thép, nhôm, xe điện (EV), vải, nhựa; hoặc các mặt hàng có khả năng được các nhà sản xuất TQ xuất khẩu sang các quốc gia thứ ba nhằm tái xuất khẩu và tránh né các biện pháp phòng vệ.

Trung Quốc

TIÊU CỰC

- **PPI ghi nhận mức tăng trưởng âm thấp nhất trong bốn tháng tại -1,8% YoY do sụt giảm giá đầu vào đối với giá nguyên liệu thô;** qua đó kéo dài chuỗi giảm phát đối với chi phí đầu vào lên đến 23 tháng. Trên cơ sở so sánh với tháng trước (MoM), tháng 8 đồng thời ghi nhận mức tăng trưởng âm lớn nhất kể từ tháng 6/2023 tại -0,7% MoM.
- **Sản lượng công nghiệp giảm về mức thấp nhất kể từ tháng 3/2024** khi tăng trưởng trong tháng 8 chỉ đạt 4,5% YoY trong bối cảnh các hoạt động sản xuất tiếp tục chậm đi ở bốn tháng gần nhất do ảnh hưởng của thời tiết khắc nghiệt ở mùa hè năm nay. Trong đó, sản lượng giảm mạnh nhất đối với hoạt động sản xuất nói chung cũng như hoạt động khai thác khoáng sản.
- **Hoạt động sản xuất tiếp tục thu hẹp ở tháng thứ 5 liên tiếp trong khi PMI Dịch vụ ghi nhận mức thấp nhất kể từ tháng 12/2022, theo thống kê đến từ NBS.** Trong khi đó, thống kê của Caixin cho thấy PMI sản xuất giảm mạnh từ 50,4 về 49,3 điểm trong tháng 9; còn PMI Dịch vụ theo Caixin cũng ghi nhận mức thấp nhất kể từ tháng 9/2023 tại 50,3 điểm (tháng 8: 51,6 điểm).
 - Tại đây, chúng tôi nhận thấy hoạt động sản xuất và tiêu dùng tiếp tục tạo áp lực đối với các nhà hoạch định chính sách tại Trung Quốc khi nền kinh tế dần đối mặt với các hệ quả đến từ khủng hoảng bất động sản kéo dài trong thời gian qua và có khả năng tăng trưởng GDP của Trung Quốc sẽ khó đạt được mục tiêu 5% trong năm nay.
- **Giá nhà bình quân tại Trung Quốc vẫn chưa có dấu hiệu chạm đáy khi tiếp tục giảm 5,3% YoY trong tháng 8** (tháng 7: -4,9% YoY). Trong đó, diễn biến giảm giá bất động sản dần mở rộng từ các thành phố bậc 3 (Tier 3) lên đến các trung tâm đô thị bậc 1 (Tier 1) như như Bắc Kinh và Thượng Hải. Cụ thể, giá nhà ở bình quân tại đô thị bậc 1 giảm 4% YoY (tháng 7: +7,5% YoY) và 8% MoM (tháng 7: +2,9% MoM) trong tháng 8.
- **Doanh số bán lẻ hạ nhiệt với tăng trưởng 2,1% YoY trong tháng 8** sau khi bùng nổ với mức tăng trưởng 2,7% trong tháng 7. Trong đó, doanh số sụt giảm lớn được ghi nhận đối với các mặt hàng như mỹ phẩm, quần áo, trang sức, xe hơi và xăng dầu; ở chiều ngược lại, doanh số tăng mạnh đối với thực phẩm, điện thoại và các thiết bị dụng.
- **Tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục gia tăng từ 5,2% lên 5,3%.**
- **Dòng vốn FDI vào Trung Quốc tính từ đầu năm 2024 tiếp tục sụt giảm,** ghi nhận tăng trưởng -31,5% YoY trong tháng 8 (tháng 7: -29,6% YoY).

Đánh giá: Bối cảnh chung tại thị trường Trung Quốc vẫn chưa được cải thiện đáng kể so với tháng trước với lạm phát tăng tốc ở các tháng gần nhất kết hợp với doanh số bán lẻ bùng nổ trong tháng 7 và tháng 8 tập trung chủ yếu vào các nhóm nhu yếu phẩm trong khi chống chịu trước thời tiết khắc nghiệt của hạn hán và mưa lũ kéo dài. Điều này cũng đồng thời phản ánh sức mua tiêu dùng của thị trường nội địa không thực sự mạnh mẽ khi người tiêu dùng đang vô tình trở nên “nghèo” đi do giá bất động sản vẫn chưa tìm thấy đáy và điều này dẫn đến thắt chặt chi tiêu đối với các mặt hàng không thiết yếu. Mặt khác, động lực tăng trưởng đến từ việc xuất khẩu ò ạt sang các đối tác thương mại có khả năng sẽ đối diện với các biện pháp phòng vệ như nâng thuế nhập khẩu.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Trung Quốc tung một loạt chính sách kích cầu

- Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc công bố một loạt chính sách kích thích kinh tế nhằm đối phó với áp lực giảm phát và hỗ trợ thị trường bất động sản đang gặp khó khăn. Bên cạnh đó, Trung Quốc đồng thời áp dụng các chính sách tài khóa bao gồm gửi trợ cấp bằng tiền mặt trực tiếp cho người dân.
- Dù thế, hiệu quả của chính sách vẫn là một ẩn số lớn khi Trung Quốc cần phải đối mặt với các thách thức mang tính chiến lược hơn như (1) giải quyết vấn đề về thất nghiệp; (2) cải thiện niềm tin tiêu dùng và đầu tư do chịu ảnh hưởng của “weath effect” khi giá bất động sản liên tục giảm trong thời gian qua.

Tóm tắt các chính sách kích cầu mới nhất từ Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC)

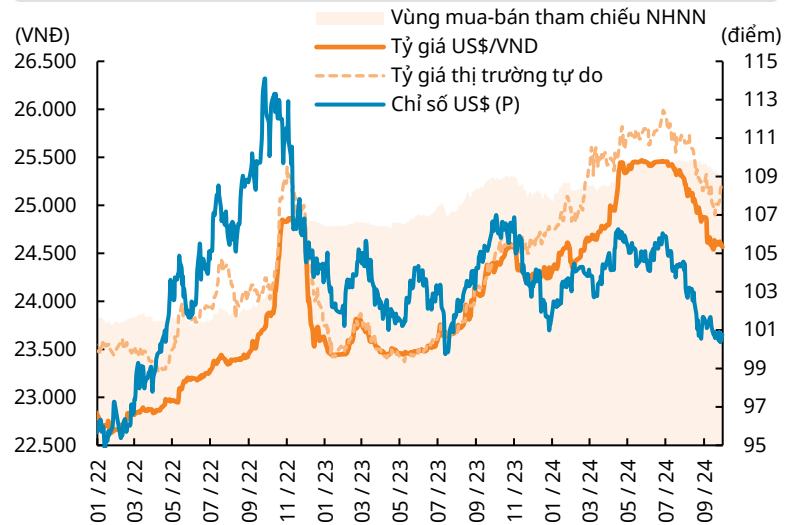
Chính sách	Biện pháp	Chi tiết
Nới lỏng chính sách tiền tệ	• Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc (RRR) tại các Ngân hàng Thương mại (NHTM)	• Giảm trực tiếp 50 điểm cơ bản; có khả năng sẽ tiếp tục giảm thêm từ 25 đến 50 điểm cơ bản trong các tháng còn lại trong năm.
	• Giảm lãi suất chính sách	• Giảm 20 điểm cơ bản đối với lãi suất chính sách hợp đồng mua lại đảo ngược 7 ngày (RRP)
	• Giảm lãi suất cho vay trung dài hạn như MLF và LPR	• Giảm 30 điểm cơ bản đối với lãi suất 1 năm đối với MLF, giảm 20 đến 25 điểm cơ bản đối với lãi suất LPR
	• Giảm lãi suất tiết kiệm	• Giảm 20 đến 25 điểm cơ bản đối với lãi suất gửi tiết kiệm trên mọi kỳ hạn nhằm bảo vệ biên lãi ròng của các NHTM.
Nới lỏng chính sách thị trường nhà ở	• Giảm lãi suất đối với các khoản vay thế chấp bất động sản hiện hữu	• Lãi suất cho vay đối với các khoản vay bất động sản hiện hữu sẽ được giảm về ngang với các khoản vay thế chấp mới. Nhìn chung, giảm 50 điểm cơ bản đối với lãi suất vay thế chấp bình quân.
	• Giảm mức đặt cọc tối thiểu/vốn ban đầu đối với các khoản vay mua nhà ở	• Tỷ lệ đặt cọc tối thiểu dành cho căn hộ thứ 2 sẽ giảm từ 25% về 15%. Các NHTM sẽ không phân biệt người mua nhà lần đầu với người không phải mua nhà lần đầu.
	• Tái cấp vốn vay cho các căn hộ cho thuê	• Tỷ lệ hỗ trợ sẽ được nâng từ 60% lên 100%.
	• Kéo dài các chính sách hỗ trợ trước đó	• Các biện pháp hỗ trợ cho các khoản vay quản lý bất động sản và việc gia hạn khoản vay chưa thanh toán của các nhà phát triển sẽ được kéo dài đến cuối năm 2026.
Chính sách hỗ trợ thị trường chứng khoán	• Thành lập cơ chế SWAP đối với các công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm và quỹ đầu tư	• PBOC sẽ thiết lập một cơ sở hoán đổi chứng khoán (SWAP) trị giá 500 tỷ nhân dân tệ; các công ty chứng khoán, bảo hiểm và quỹ có thể sử dụng trái phiếu, quỹ ETF cổ phiếu, v.v. làm tài sản thế chấp để hoán đổi trái phiếu chính phủ Trung Quốc (CGB) và tín phiếu ngân hàng trung ương với PBOC.
	• Tái cấp vốn vay dành cho mua lại cổ phiếu quỹ	• PBOC sẽ thiết lập một chính sách trị giá 300 tỷ nhân dân tệ để hỗ trợ chương trình mua lại cổ phiếu quỹ của các doanh nghiệp niêm yết. PBOC sẽ bảo lãnh các khoản vay của ngân hàng hỗ trợ chương trình mua lại cổ phiếu của các công ty. Lãi suất tái cho vay của PBOC được ấn định ở mức 1,75%, bao phủ 100% khoản gốc vay của ngân hàng, và lãi suất vay của ngân hàng đối với các công ty sẽ ấn định ở mức khoảng 2,25%.
	• Tăng giá trị thị trường chứng khoán	• CSRC sẽ công bố chỉ dẫn chi tiết đối với quản lý giá trị thị trường của các doanh nghiệp niêm yết • CSRC sẽ công bố các chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích các thương vụ M&A và tái cấu trúc doanh nghiệp
Gia tăng khả năng hỗ trợ nền kinh tế thực của NHTM		• NFRA sẽ hỗ trợ sáu NHTM trọng điểm nhằm nâng mức vốn bậc 1

② Thị trường tiền tệ

NHNN ngừng phát hành tín phiếu qua kênh OMO

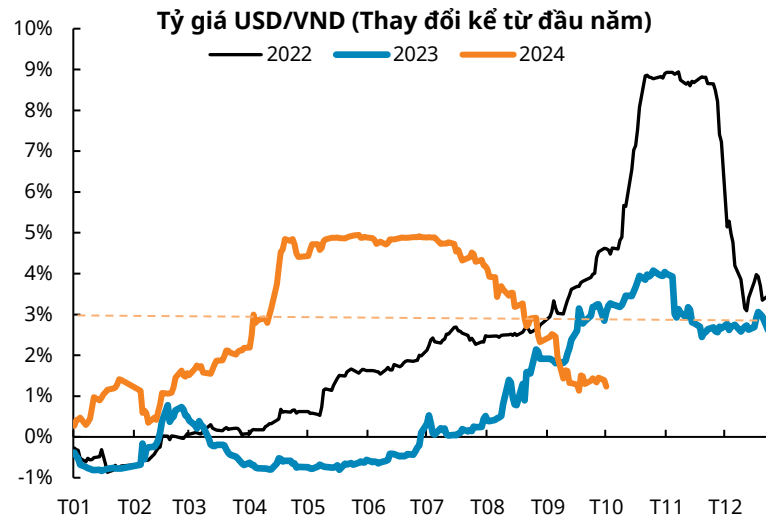
- Tính đến ngày 30/09, tỷ giá niêm yết bán của Vietcombank ghi nhận ở mức 24.740 đồng, ghi nhận mức mất giá kể từ đầu năm đã hạ nhiệt đáng kể chỉ còn 1,3%. Bên cạnh đó, tỷ giá giao dịch trên kênh liên ngân hàng cũng đã giảm sát về mốc 24.500 đồng trong bối cảnh chỉ số DXY giảm về vùng 100 (-0,9% MoM) sau khi Fed ra quyết định cắt lãi suất vào ngày 18/09.
- Tính từ ngày 01/09 đến 30/09, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) bơm hơn 106 nghìn tỷ đồng thông qua hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP) với lãi suất 4% cùng kỳ hạn 7 ngày.
 - Kể từ ngày 23/08, NHNN đã ngừng phát hành tín phiếu thông qua kênh OMO; phản ánh động thái ưu tiên hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống liên ngân hàng của NHNN khi áp lực tỷ giá đã không còn đáng kể.
 - Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục được neo quanh vùng 4% theo RRP. Tại đây, chúng tôi cho rằng mức chênh lệch lãi suất âm giữa VND và USD sẽ tạo ra rào cản vô hình khiến lãi suất bình quân trên kênh liên ngân hàng khó có thể giảm sâu trong thời gian tới.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



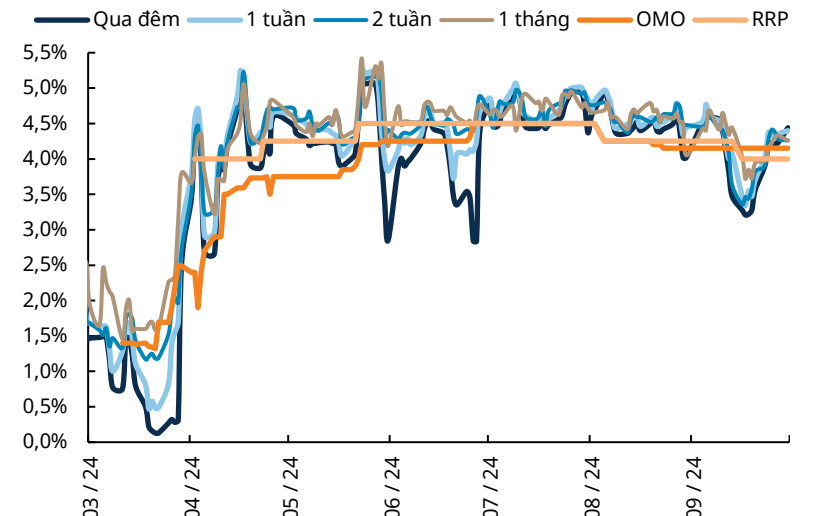
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN; cập nhật tới 30/09/2024

Tỷ giá gia tăng tốc độ hạ nhiệt khi Fed chuẩn bị hạ lãi suất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 30/09/2024

Lãi suất liên ngân hàng duy trì quanh vùng 4%



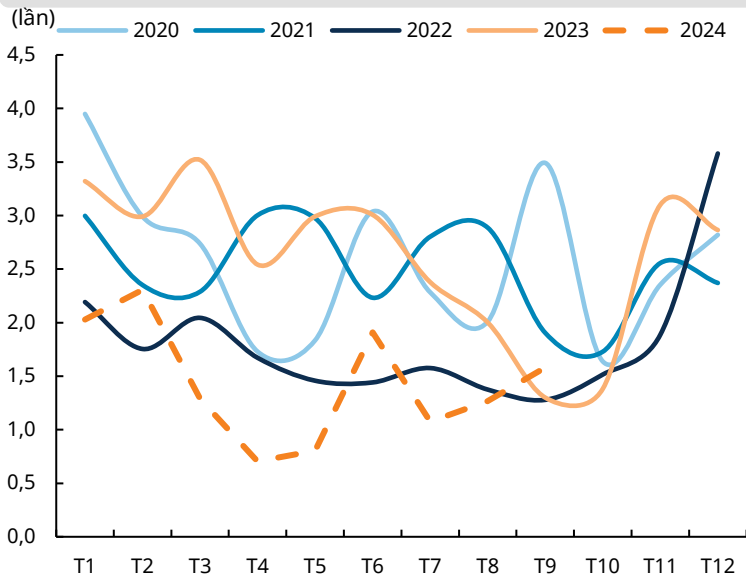
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 29/08/2024

② Thị trường tiền tệ (Tiếp theo)

Trái phiếu chính phủ

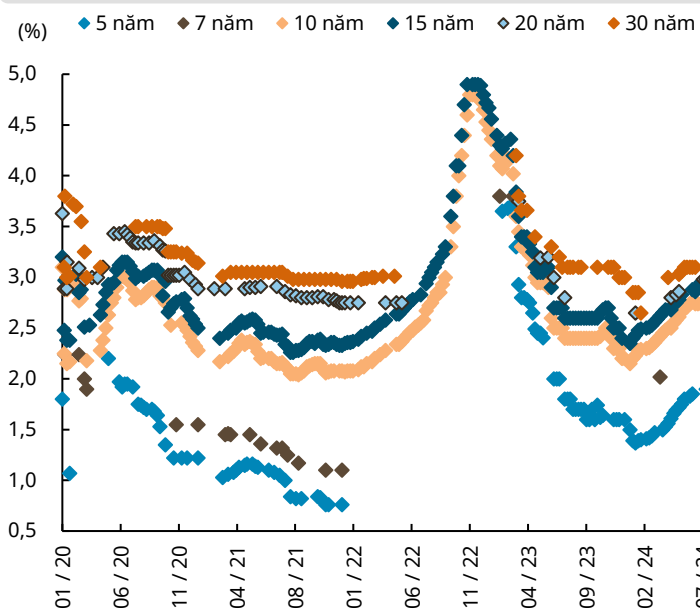
- **Phát hành trái phiếu chính phủ:**
 - Trong tháng 9, Kho bạc Nhà nước thành công huy động gần 33,4 nghìn tỷ đồng thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ (tương ứng với 66,5% tổng giá trị gọi thầu) với tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu (bid-to-cover) đạt bình quân 1,58x, tiếp tục cải thiện so với tỷ lệ 1,27x của tháng 8. Kết quả đấu thầu như sau: 5 năm (700 tỷ đồng), 7 năm (395 tỷ đồng), 10 năm (22.150 tỷ đồng), 15 năm (8.550 tỷ đồng), 30 năm (1.579 tỷ đồng).
 - Lũy kế 9 tháng đầu năm, Kho bạc Nhà nước đã thành công huy động gần 271 nghìn tỷ đồng thông qua kênh TPCP, đạt 63,5% kế hoạch của năm 2024 và tương đối cao hơn giá trị huy động trong cùng thời điểm của năm 2023 (250 nghìn tỷ đồng).
 - Trong tháng 9, lợi suất trúng thầu bình quân đối với các kỳ hạn không ghi nhận sự thay đổi đáng kể so với trước đó ngoại trừ kỳ hạn 10 năm và 15 năm có sự sụt giảm nhẹ. Cụ thể cho từng kỳ hạn là: 5 năm (1,95%), 7 năm (2,05%), 10 năm (2,66%, -5 bps), 15 năm (2,86%, -4 bps), 30 năm (3,1%).
- **Trên thị trường thứ cấp, lợi suất trái phiếu nhìn chung đều giảm so với tháng trước đó; đặc biệt ở các kỳ hạn từ 5 năm đến 20 năm.** Cụ thể, kết quả giao dịch lợi suất của các kỳ hạn như sau: 1 năm (1,85%, -1,3 bps); 2 năm (1,863%, -1,6 bps); 5 năm (1,901%, -5 bps); 7 năm (2,154%, -7,6 bps); 10 năm (2,663%, -5,3 bps); 15 năm (2,86%, -4,4 bps); 20 năm (2,967%, -12,9 bps); 30 năm (3,16%, -2,1 bps).

Tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu duy trì ở mức thấp trong năm 2024



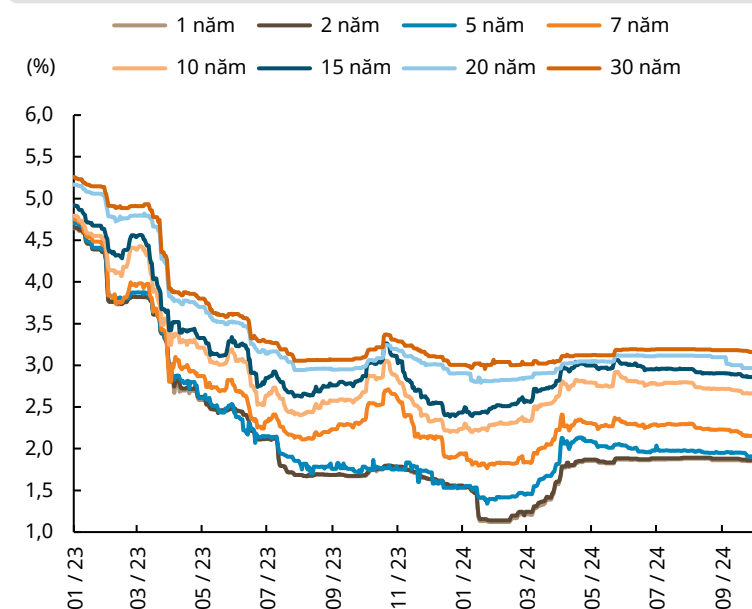
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 25/09/2024

Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 25/09/2024

Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 30/09/2024

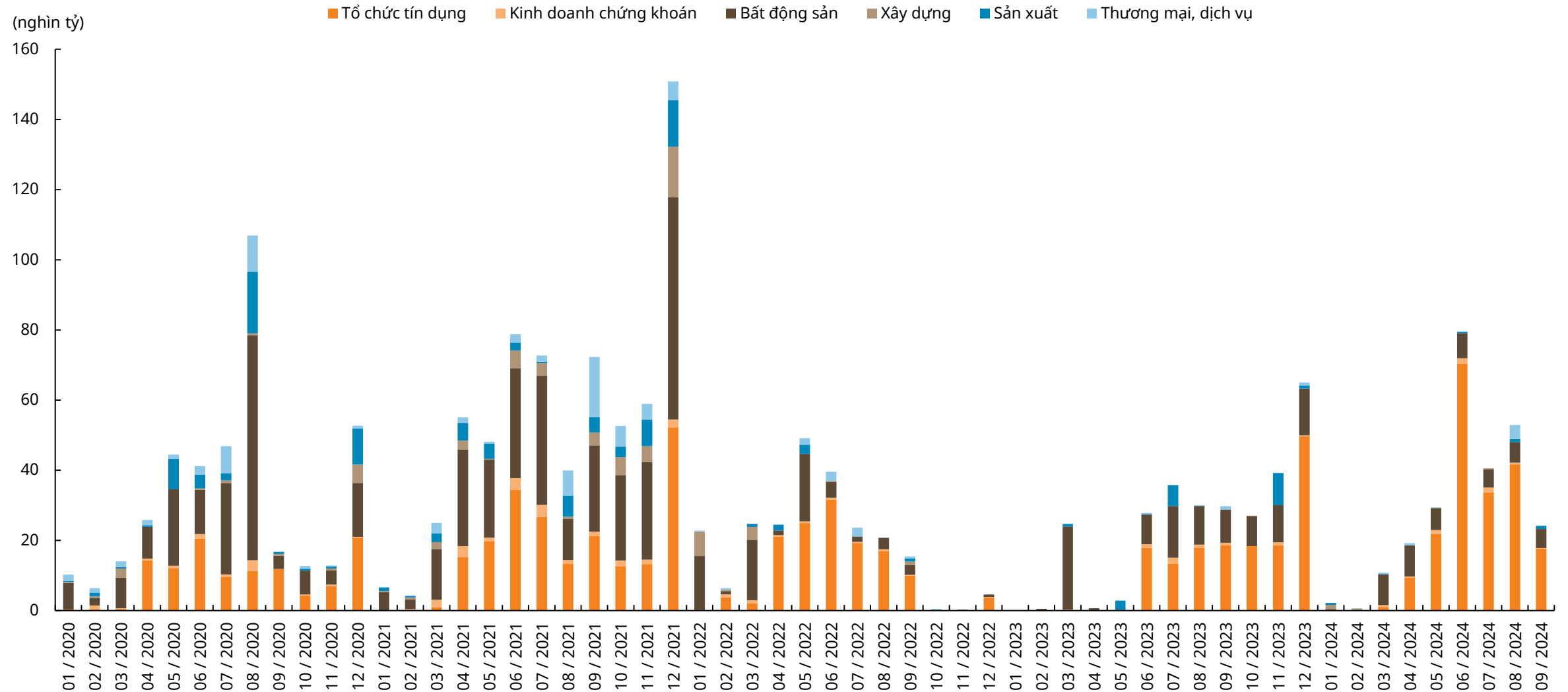
③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Trái phiếu doanh nghiệp

- **Phát hành mới:** Trong tháng 9, thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) ghi nhận 26 đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị huy động đạt hơn 24 nghìn tỷ đồng; nâng tổng giá trị huy động thông qua TPDN tính từ đầu năm đạt hơn 266 nghìn tỷ đồng (+67% YoY).
 - Phần lớn giá trị huy động đến từ các ngân hàng thương mại như: VIB (4.000 tỷ đồng), OCB (3.500 tỷ đồng), Vietinbank (2.850 tỷ đồng), HDBank (2.500 tỷ đồng), Sacombank (2.000 tỷ đồng), MSB (1.000 tỷ đồng), TPBank (800 tỷ đồng), ACB (500 tỷ đồng), LPB (420 tỷ đồng), BIDV (113 tỷ đồng).
 - Theo sau là một số doanh nghiệp bất động sản như Phát Đạt (3.490 tỷ đồng) và Trường Lộc (1.910 tỷ đồng) cùng với các doanh nghiệp khác là Nhiệt điện Thăng Long (900 tỷ đồng), Thành Thành Công (200 tỷ đồng), Chứng khoán Bảo Minh (150 tỷ đồng).
- **Hoạt động mua lại trước hạn:** Theo thông tin đến từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), đã có 58 giao dịch mua lại trái phiếu trước hạn được công bố kể từ ngày 01/09 đến ngày 30/09 với tổng giá trị mua lại trước hạn ghi nhận gần 16,6 nghìn tỷ đồng.
 - Nổi bật nhất là động thái mua lại trước hạn đến từ các ngân hàng thương mại như OCB (4.200 tỷ đồng), BIDV (3.579 tỷ đồng), VietinBank (2.050 tỷ đồng). Bên cạnh là Bắc Á, PGBank, VPBank, MBBank đều lần lượt ghi nhận giá trị mua lại trái phiếu trước hạn 500 tỷ đồng.
 - Theo sau là một số doanh nghiệp có giá trị mua lại tương đối đáng kể như CTCP XNK Vật tư Nông nghiệp III (2.119 tỷ đồng), Bất động sản Phú Long (600 tỷ đồng), Saigon Glory (451 tỷ đồng) và Becamex IDC (400 tỷ đồng).
 - Tính từ đầu năm đến nay, các doanh nghiệp phát hành đã mua lại tổng lượng trái phiếu trước hạn lên đến hơn 131 nghìn tỷ đồng (-27% YoY).
 - Trong đó, các tổ chức tín dụng tiêu biểu là các ngân hàng thương mại là nhóm nhân tố chính trong hoạt động mua lại trái phiếu trước hạn với tổng giá trị của toàn ngành ghi nhận gần 97 nghìn tỷ đồng và chiếm gần 74% tổng giá trị mua lại toàn thị trường. Phần còn lại thuộc về nhóm Bất động sản (11,8%) và Sản xuất (5,95%).

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

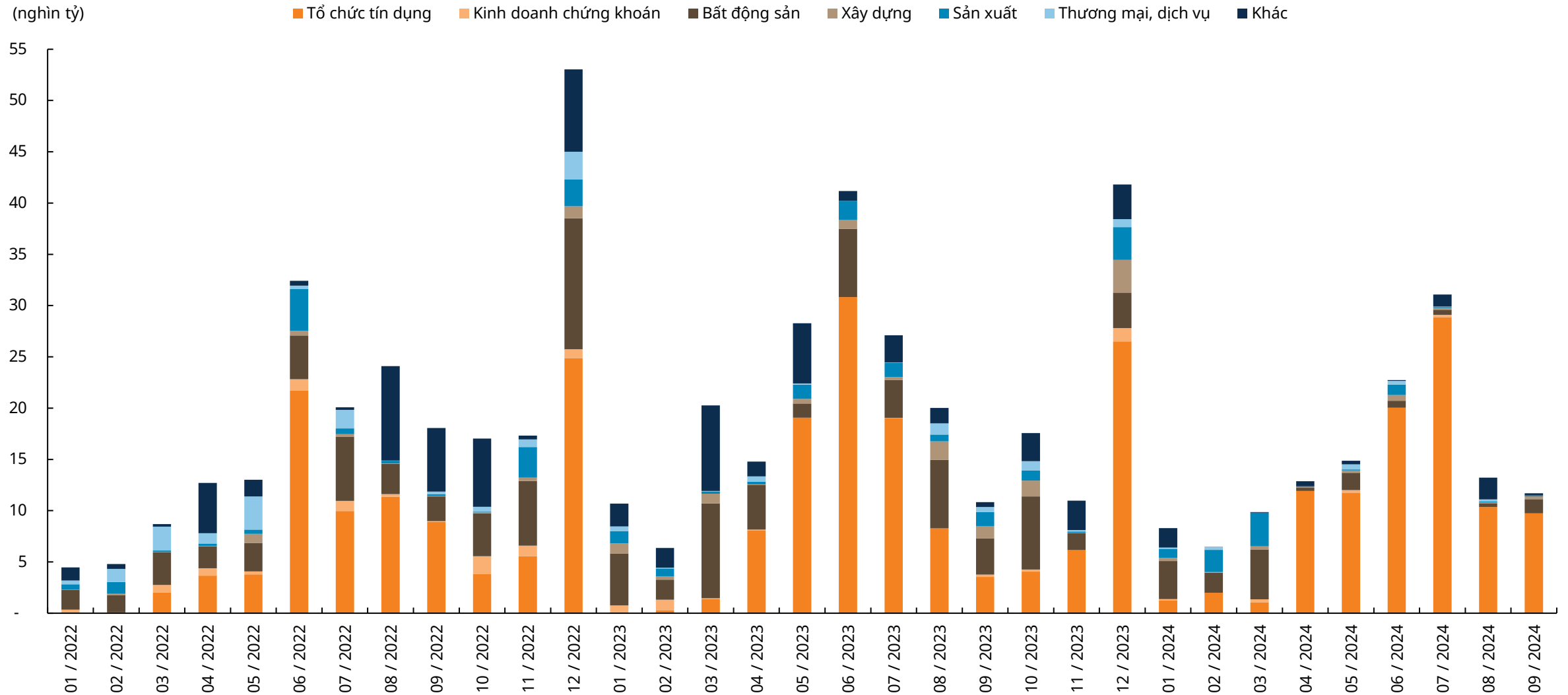
Các Ngân hàng Thương mại tiếp tục đẩy mạnh huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu trong tháng 9



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 30/09/2024

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

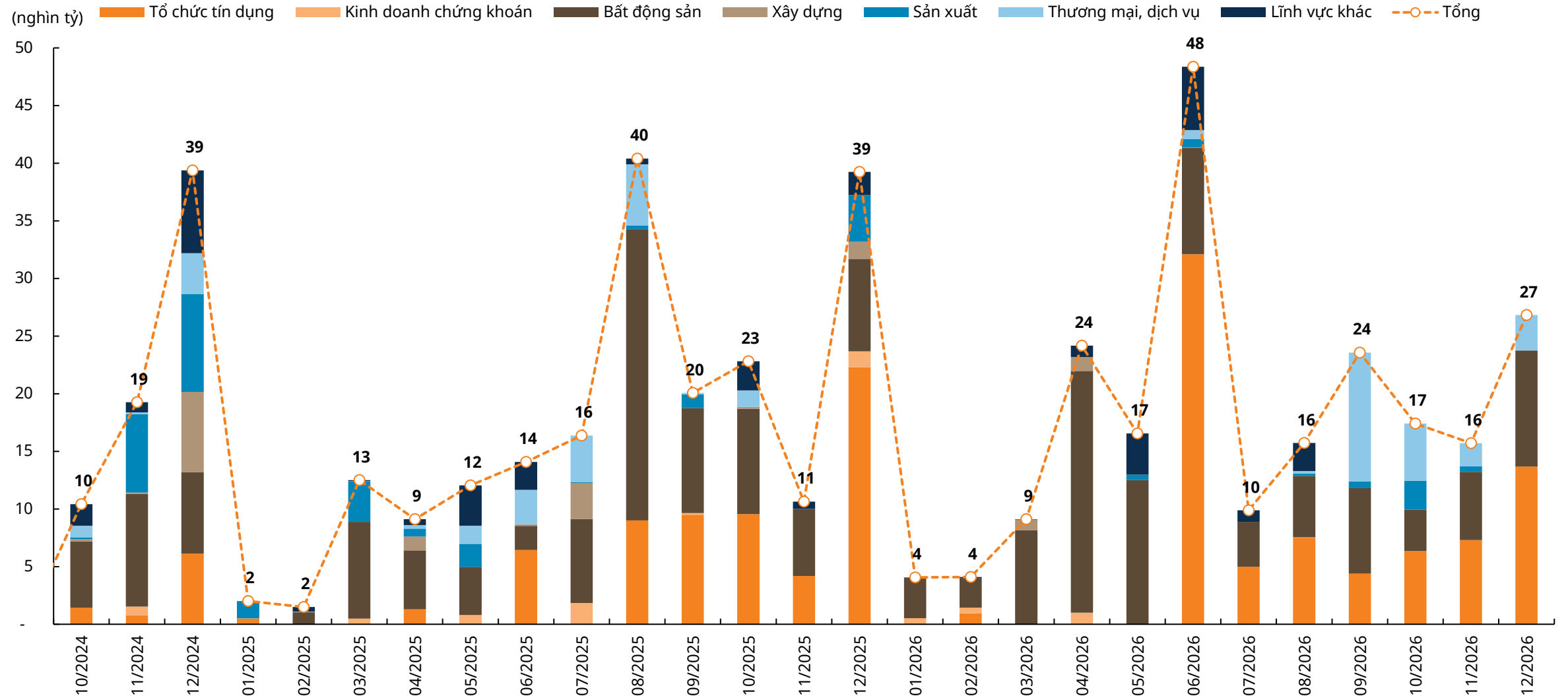
Tổng giá trị mua lại trước hạn đối với trái phiếu doanh nghiệp theo từng ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 30/09/2024

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Lịch đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp theo ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 30/09/2024

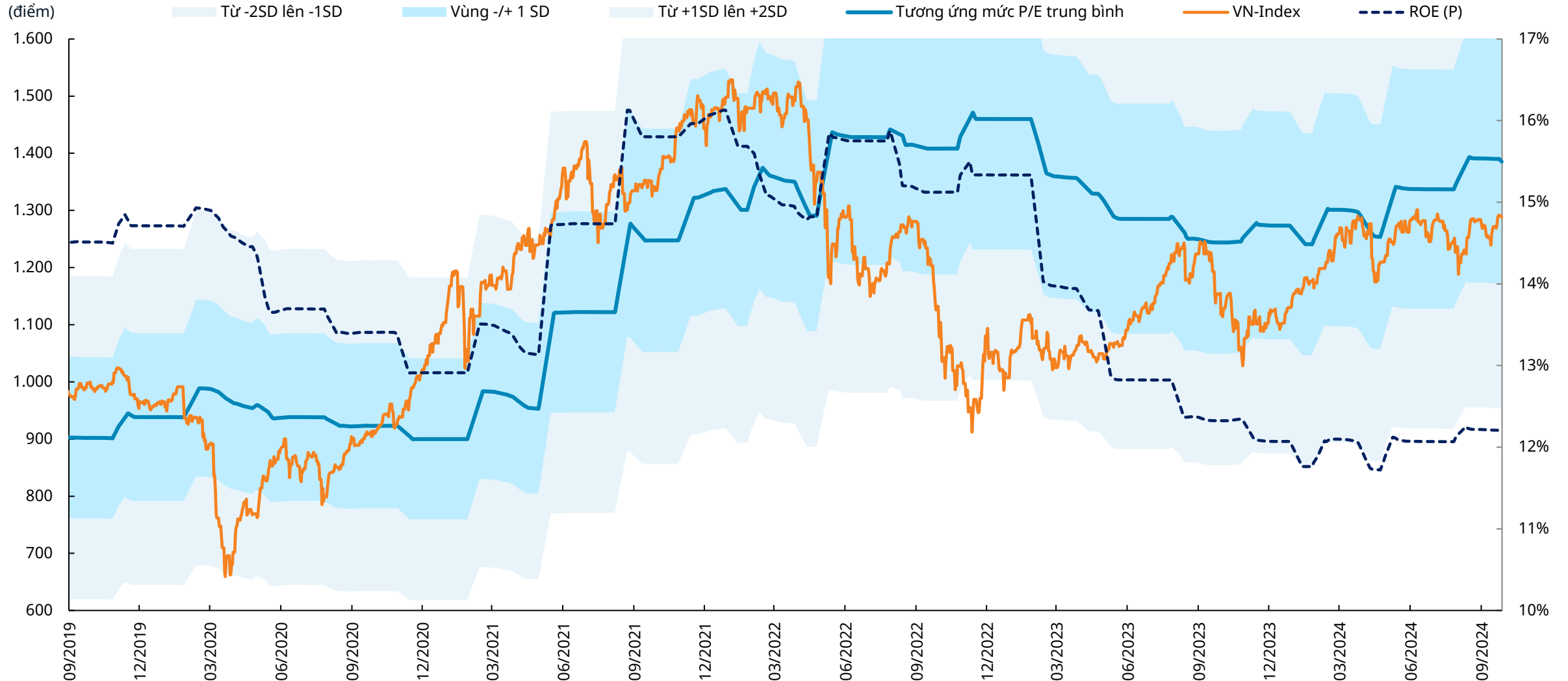
③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 10						
Ngành	Mã trái phiếu	Doanh nghiệp phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%)	Tổng giá trị (tỷ đồng)
Tổ chức tín dụng	SSBH2124004	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (HOSE: SSB)	7/10/2021	7/10/2024	4,1	500
Bất động sản	SVNCH2124001	CTCP Kinh doanh Bất động sản S - Việt Nam	7/10/2021	7/10/2024	11,5	2.500
Sản xuất	APRCB2124001	CTCP Vật tư Nông sản	8/10/2021	8/10/2024	10,1	150
Thương mại, dịch vụ	BONDS2024	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	10/10/2019	10/10/2024	6,95	1.000
Tổ chức tín dụng	MB.BOND.2017.7Y.07	Ngân hàng TMCP Quân Đội (HOSE: MBB)	10/10/2017	10/10/2024	8,45	100
Lĩnh vực khác	DHACH2124001	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư DHA	11/10/2021	11/10/2024	10	355
Tổ chức tín dụng	MB.2019.5Y.01	Ngân hàng TMCP Quân Đội (HOSE: MBB)	11/10/2019	12/10/2024	8,7	50
Bất động sản	CIVCB2124001	CTCP Đầu tư và Phát triển Bất Động Sản Thế Kỷ	13/10/2021	13/10/2024	10,5	650
Tổ chức tín dụng	SSBH2124005	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (HOSE: SSB)	14/10/2021	14/10/2024	4,1	500
Bất động sản	UNICH2124001	Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Unity	14/10/2021	14/10/2024	12,5	416
Lĩnh vực khác	CPSCB2124002	Công ty TNHH Mặt Trời Cẩm Phả	18/10/2021	18/10/2024	8	270
Lĩnh vực khác	TTEH2124001	CTCP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh	19/10/2021	19/10/2024	11	250
Tổ chức tín dụng	VCB_BOND_RL06_2018_01	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (HOSE: VCB)	23/10/2018	23/10/2024	6,5	64
Tổ chức tín dụng	HDB1924_04	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE: HDB)	23/10/2019	24/10/2024	8,5	10
Bất động sản	DRGCH2124004	CTCP Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	25/10/2021	25/10/2024	9,8	500
Bất động sản	DBICB2124001	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	26/10/2021	26/10/2024	9,5	1.054
Bất động sản	MVJCH2124001	CTCP Đầu Tư Địa Ốc Mai Viên	26/10/2021	26/10/2024	11,5	600
Lĩnh vực khác	VJCH2124005	CTCP Hàng Không Vietjet (HOSE: VJC)	27/10/2021	27/10/2024	9,5	1.000
Xây dựng	DCACH2124001	CTCP Tập đoàn Đèo Cả (HOSE: HHV)	28/10/2021	28/10/2024	11,5	200
Tổ chức tín dụng	VIBBOND101924-001	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (HOSE: VIB)	28/10/2019	29/10/2024	0	60
Bất động sản	HDCH2224001	CTCP Phát Triển Nhà Bà Rịa- Vũng Tàu (HOSE: HDC)	31/10/2022	31/10/2024	11	30
Tổ chức tín dụng	VCB_BOND_RL06_2018_03	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (HOSE: VCB)	31/10/2018	31/10/2024	6.5	164

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 30/09/2024

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index liên tục trời sục khi tiệm cận vùng cản tâm lý 1.300 điểm dù duy trì định giá dưới mức bình quân lịch sử



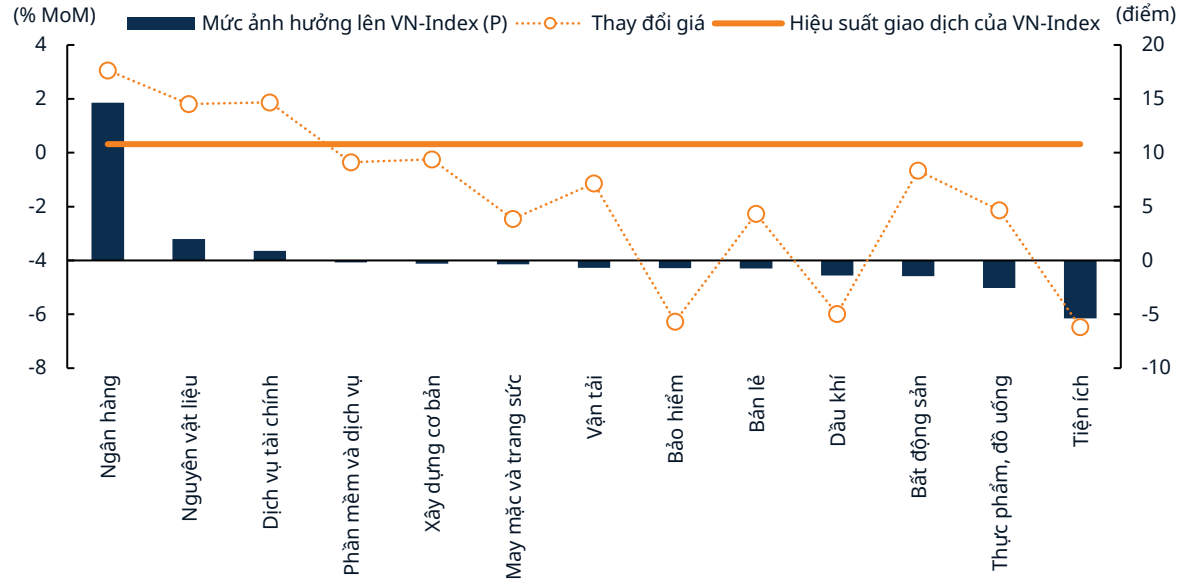
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 30/09/2024

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tăng điểm không đồng thuận đối với cổ phiếu sàn HOSE

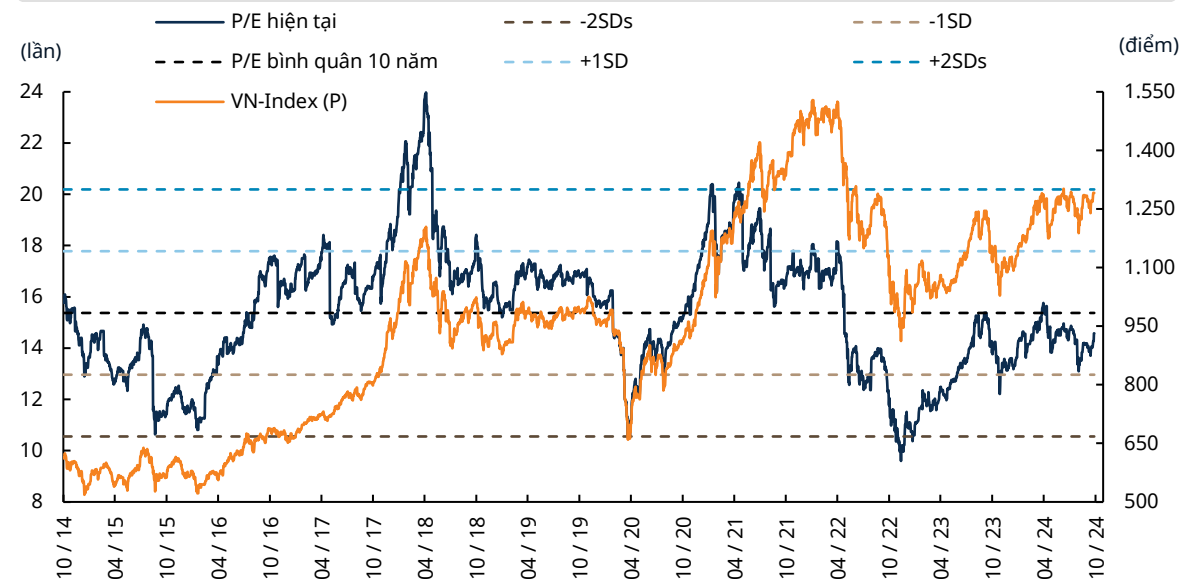
- Thị trường tiếp tục gia tăng đà phục hồi sau diễn biến có phần không thuận lợi của tháng 8, **VN-Index kéo dài xu hướng tăng sang tháng thứ 3 liên tiếp với mức tăng có phần khiêm tốn chỉ hơn 4 điểm trong tháng 9 và đóng cửa tại 1.287,94 (+0,32% MoM).**
- Tuy nhiên, chúng tôi đồng thời nhận thấy đà tăng của tháng 9 đã phản ánh **bối cảnh phân hóa ngày càng rõ rệt giữa các nhóm ngành khi phần lớn điểm tăng của VN-Index được cô đọng và đến từ đà bứt phá của hàng loạt cổ phiếu Ngân hàng** trong khi các ngành còn lại (ngoại trừ nhóm cổ phiếu Thép và Chứng khoán) đều ghi nhận sự sụt giảm trong vốn hóa so với tháng 8.
- Cụ thể, VN-Index hiện đang ghi nhận khoảng 39% số cổ phiếu hiện đang giao dịch trên đường trung bình giá 200 ngày trong khi chỉ có khoảng 37% số cổ phiếu giao dịch trên vùng hỗ trợ ngắn hạn tại đường trung bình giá 20 ngày gần nhất. Diễn biến phân hóa trở nên cô đọng hơn nếu xét riêng đối với nhóm cổ phiếu thuộc VN30 khi phần lớn cổ phiếu duy trì xu hướng tăng vẫn được cô đọng quanh nhóm cổ phiếu Ngân hàng cùng một số cổ phiếu đặc thù với câu chuyện tăng trưởng riêng như FPT và MSN.

Đánh giá diễn biến tháng 9: Ngân hàng đóng vai trò nhóm cổ phiếu trụ và dẫn dắt đà tăng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 30/09/2024

VN-Index hướng về đỉnh cũ dù liên tục giao dịch dưới vùng P/E bình quân 10 năm



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 30/09/2024

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

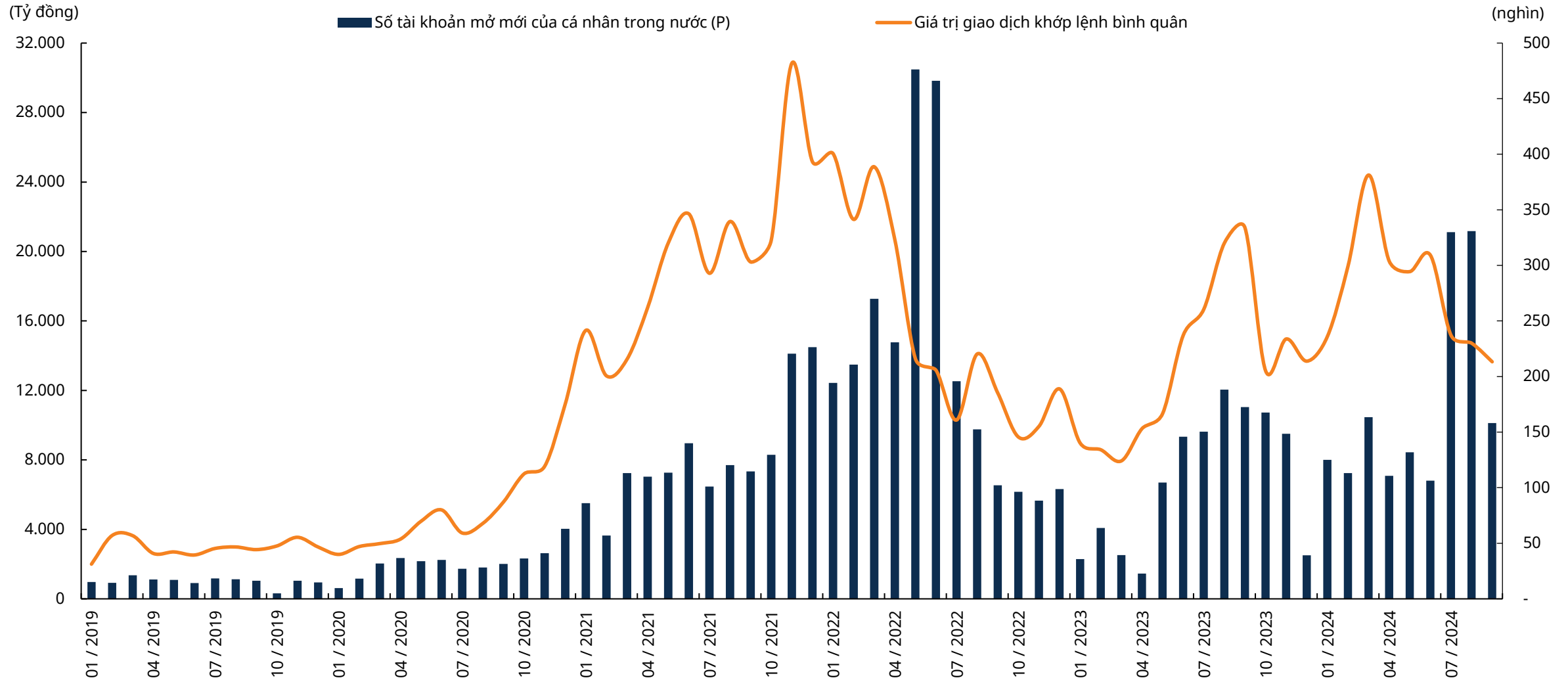
Hiệu suất giao dịch theo nhóm ngành trong tháng 9																				
Phân ngành GICS	Vốn hóa (tỷ đồng)	Tỷ trọng vốn hóa	Vốn hóa 1 năm gần nhất	Biến động vốn hóa					Tăng trưởng LNST (YoY)						Tăng trưởng LNST (YoY)					
				1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	YTD	2019	2020	2021	2022	2023	2024F	1Q23	2Q23	3Q23	4Q23	1Q24	2Q24
Ngân hàng	2.116.435	40,0%		2,9%	10,7%	2,1%	22,9%	23,1%	30,7%	16,2%	32,5%	35,8%	4,3%	16,9%	-2,4%	1,6%	-0,6%	21,0%	10,0%	19,0%
Bất động sản	689.902	13,0%		-0,85%	3,98%	-7,7%	-4,6%	-2,1%	39,0%	-0,9%	9,2%	-2,3%	-7,7%	19,0%	34,4%	57,9%	-40,4%	-40,6%	-34,3%	-73,2%
Nguyên vật liệu	475.734	9,0%		1,7%	-2,5%	-0,5%	26,4%	21,2%	-5,8%	51,6%	116,0%	-47,2%	-42,0%	23,3%	-80,4%	-65,4%	129,7%	356,6%	91,8%	82,4%
Thực phẩm, đồ uống	440.193	8,3%		-2,25%	1,82%	2,6%	-3,2%	5,1%	5,7%	-19,7%	34,3%	-12,4%	-25,6%	20,0%	-51,3%	-25,3%	-21,7%	12,5%	28,3%	5,9%
Tiện ích	304.944	5,8%		-6,7%	-5,1%	-2,8%	-8,6%	3,5%	13,3%	-19,9%	12,5%	47,5%	-29,1%	-43,5%	-5,6%	-27,9%	-49,8%	-35,6%	-55,8%	-23,2%
Xây dựng cơ bản	228.447	4,3%		-0,46%	-0,94%	-3,6%	15,0%	8,4%	3,3%	6,5%	19,3%	-22,2%	-12,4%	53,1%	-47,1%	-9,2%	23,6%	62,5%	21,9%	34,6%
Vận tải	214.432	4,1%		-1,3%	-12,1%	6,9%	26,7%	21,1%	-17,9%	-165,5%	-7,7%	24,1%	126,5%	200,8%	7944,5%	375,5%	14,0%	87,6%	411,6%	124,2%
Dịch vụ tài chính	211.227	4,0%		3,1%	11,6%	-2,1%	27,2%	19,7%	-22,8%	38,3%	150,8%	-55,1%	60,6%	17,2%	-54,0%	132,2%	161,2%	2119,0%	89,3%	8,8%
Phần mềm và dịch vụ	208.548	3,9%		-0,37%	1,87%	32,1%	64,4%	57,5%	19,3%	13,3%	23,6%	22,1%	21,7%	11,6%	20,0%	19,3%	19,2%	27,9%	20,0%	22,9%
Bán lẻ	131.030	2,5%		-2,3%	6,1%	27,2%	36,0%	55,2%	20,1%	0,2%	41,0%	-8,2%	-93,2%	665,6%	-93,2%	-106,1%	-86,6%	-82,9%	710,1%	1534,4%
Dầu khí	87.537	1,7%		-6,11%	4,44%	9,1%	13,2%	18,7%	5,5%	-57,8%	81,9%	-41,6%	91,3%	-19,5%	160,4%	2546,1%	118,1%	-41,6%	29,0%	-2,0%
May mặc và trang sức	57.925	1,1%		-1,97%	0,17%	-1,0%	18,9%	16,0%	1,4%	37,3%	8,4%	27,7%	-31,1%	42,6%	-32,2%	-53,2%	-48,4%	21,8%	9,2%	33,3%
Bảo hiểm	43.819	0,8%		-6,29%	-8,41%	-0,5%	1,8%	7,5%	13,9%	28,5%	27,4%	-19,6%	22,1%	-20,3%	6,5%	41,2%	22,7%	24,0%	13,1%	7,0%
Dược phẩm	36.085	1%		3,15%	5,80%	5,4%	6,5%	13,6%	3,8%	8,4%	8,0%	24,2%	1,9%	-1,4%	23,7%	10,0%	-21,2%	-3,3%	-23,4%	-20,7%
VN-Index	5.292.631	100%		0,38%	4,2%	1,4%	16,3%	14,7%	17,0%	-1,2%	38,3%	5,0%	-4,8%	16,8%	-17,3%	-3,0%	-9,7%	18,4%	10,5%	6,7%

Nguồn: Phòng phân tích Mirae Asset Việt Nam, dữ liệu Bloomberg (cập nhật đến ngày 30/09/2024). Điểm màu đỏ trên đồ thị xu hướng vốn hóa là mức thấp nhất, điểm màu xanh là mức cao nhất. Biến động giá được tính trên cơ sở đo lường sự thay đổi của vốn hóa.

Lưu ý: Số liệu tổng lợi nhuận sau thuế và cổ đông thiểu số (LNST) được chúng tôi tổng hợp từ nguồn báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên sàn HOSE.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục mở mới gần 160 nghìn tài khoản chứng khoán trong tháng 9, nâng tổng số tài khoản mở mới từ đầu năm lên gần 1,56 triệu (+70% YoY).



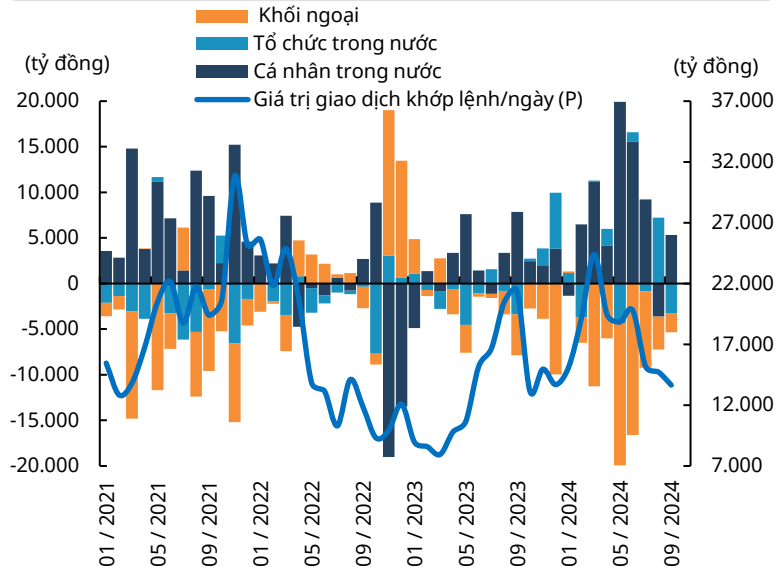
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD), cập nhật tới 04/10/2024

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

NĐT cá nhân trong nước trở lại mua ròng song thanh khoản duy trì ở mức thấp

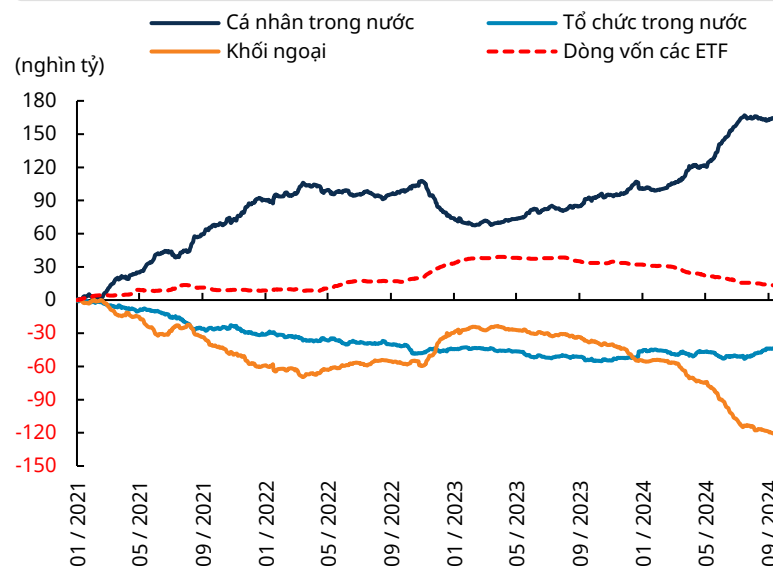
- Trong tháng 9, đà tăng kéo dài ba tháng liên tiếp của VN-Index vẫn chưa thực sự thuyết phục được thị trường khi VN-Index lại một lần nữa thất bại trong việc chinh phục vùng cản tâm lý 1.300 điểm. **Giá trị giao dịch (GTGD) khớp lệnh tiếp tục sụt giảm 7,3% MoM và đạt bình quân 13,6 nghìn tỷ đồng/phiên, đánh dấu tháng thứ 3 liên tiếp suy giảm thanh khoản.**
- Điểm nhấn của tháng có lẽ đến từ diễn biến giao dịch của nhà đầu tư (NĐT) nước ngoài khi nhóm này đã có động thái mua ròng đáng kể nếu loại bỏ thương vụ thoái vốn trị giá gần 2,7 nghìn tỷ đồng tại cổ phiếu VIB.** Cụ thể, khối ngoại bán ròng 2,11 nghìn tỷ đồng trong tháng 9 và nâng giá trị bán ròng kể từ đầu năm lên 66,13 nghìn tỷ đồng. Trong đó, nhóm này ghi nhận mức giải ngân lớn đối với một số cổ phiếu như SSI (+814 tỷ đồng), FPT (+662 tỷ đồng), TCB (+512 tỷ đồng), TPB (+463 tỷ đồng) và VNM (+372 tỷ đồng).
- NĐT tổ chức trong nước đã bán ròng 3,2 nghìn tỷ đồng trong tháng 9 sau khi mua ròng kỷ lục 7,2 nghìn tỷ trong tháng 8.** Trong đó, nhóm Tự doanh bán ròng 952 tỷ đồng với áp lực bán xoay quanh BWE (-463 tỷ đồng), MBB (-414 tỷ đồng) và HPG (-326 tỷ đồng). **NĐT cá nhân trong nước trở lại mua ròng 5,3 nghìn tỷ đồng trong tháng 9** sau khi bán ròng 3,6 nghìn tỷ trong tháng 8; nâng giá trị mua ròng kể từ đầu năm lên 66,9 nghìn tỷ đồng.
- Các quỹ ETF tiếp tục rút ròng 28,4 triệu USD trong tháng 9, nâng mức rút ròng kể từ đầu năm lên khoảng 752 triệu USD; dù vậy đây là mức rút ròng thấp nhất kể từ tháng 2/2024.** Phần lớn lượng rút ròng tháng 9 được ghi nhận từ Fubon FTSE (-25 triệu USD), DCVFMVN30 (-8 triệu USD), VanEck Vietnam (-4,4 triệu USD). Ở chiều ngược lại, DCVFMVN Diamond quay lại mua ròng 9,4 triệu USD cùng với Kim Growth VN30 (+3,6 triệu USD) – đáng chú ý, quỹ ETF này đã liên tục mua vào sáu tháng liên tiếp.

Thanh khoản thị trường và mua/bán ròng theo nhóm NĐT



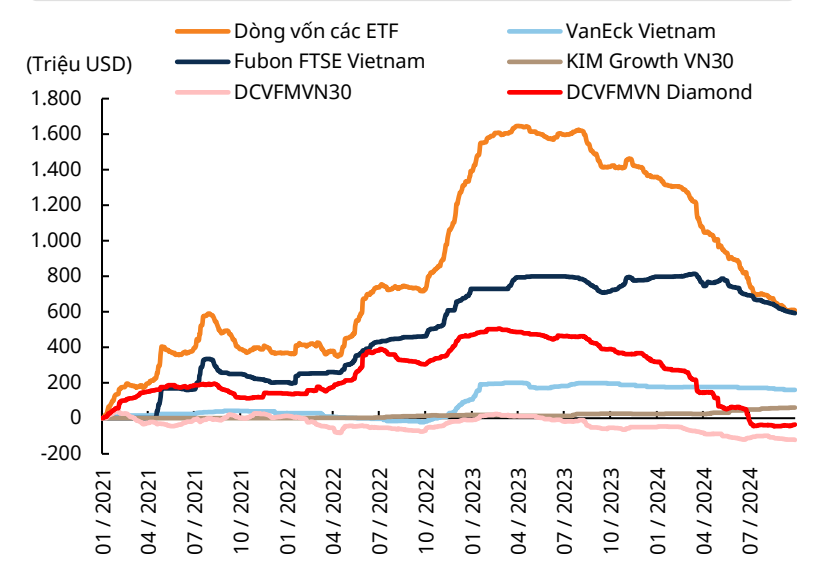
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật tới 30/09/2024

Lũy kế mức mua/bán ròng từ 2021 theo nhóm nhà đầu tư



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật tới 30/09/2024

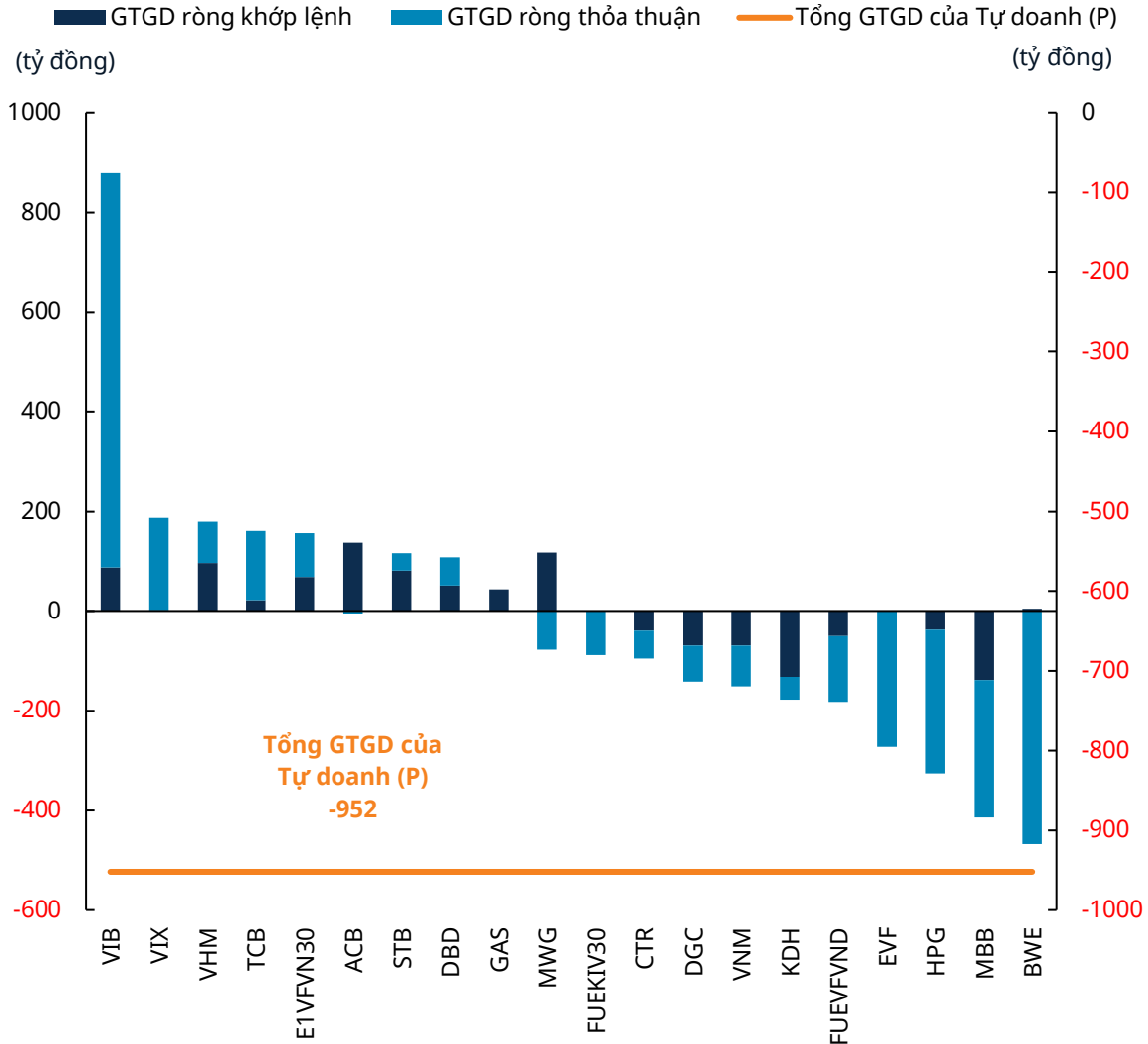
Lũy kế dòng tiền ETF mua/bán ròng từ 2021



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 30/09/2024

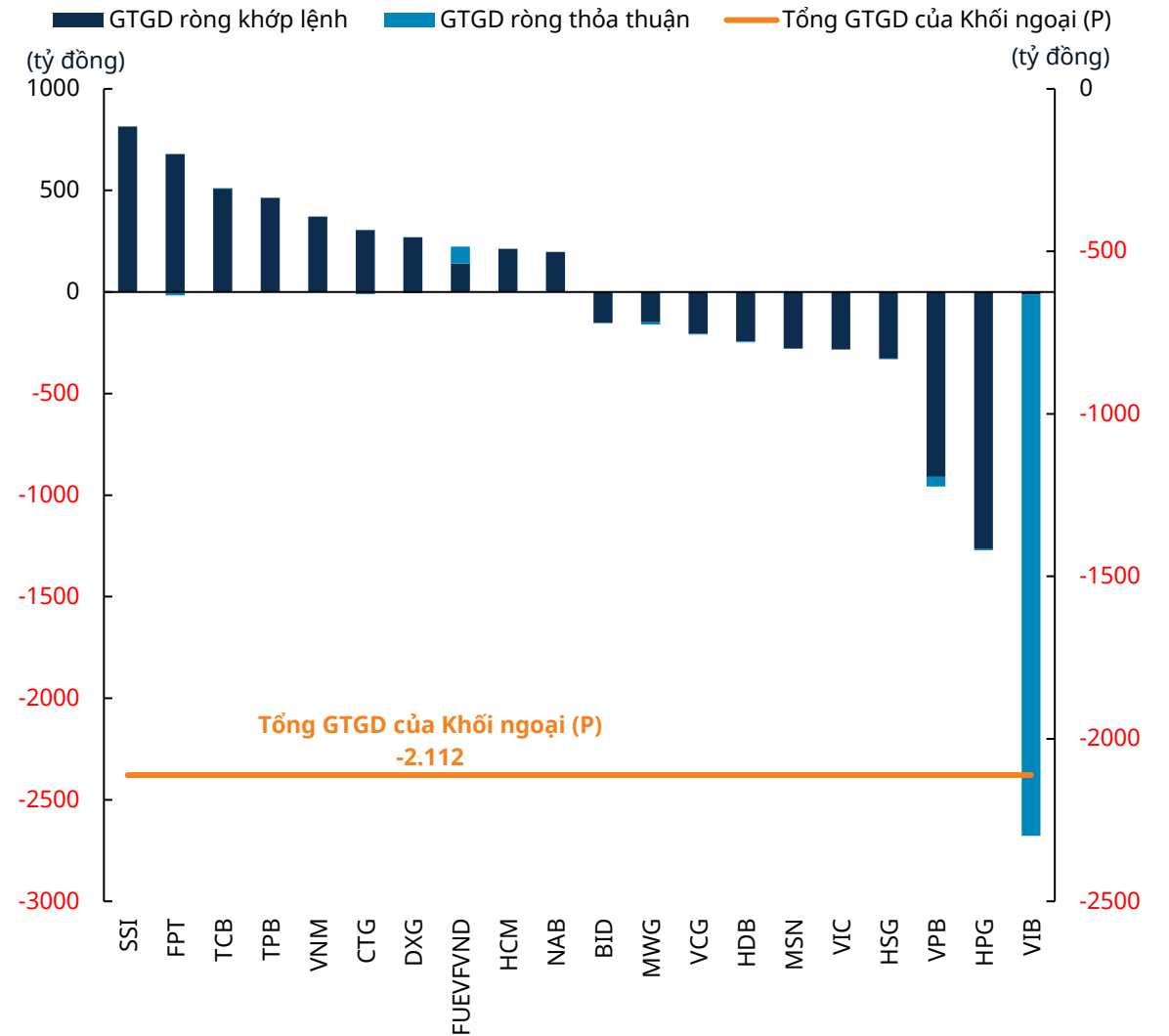
④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top giá trị giao dịch ròng của Tự doanh trong tháng 9



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 30/09/2024

Top giá trị giao dịch ròng của khối ngoại trong tháng 9



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 30/09/2024

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tìm kiếm động lực tăng trưởng mới

- Nhìn về tháng 10 và các tháng còn lại của năm 2024, **diễn biến phân hóa giữa các nhóm ngành và sự cô đọng của dòng tiền tại các cổ phiếu Ngân hàng đã phần nào phản ánh tín hiệu suy yếu trên diện rộng của thị trường trong bối cảnh các câu chuyện tăng trưởng dần trở nên thiếu thuyết phục đối với các nhà đầu tư.**
- Bên cạnh đó, sự thiếu vắng của dòng tiền tại các nhóm ngành còn lại sẽ khiến thị trường thiếu đi bộ đệm cần thiết nếu áp lực chốt lời quay lại đối với nhóm cổ phiếu Ngân hàng;** đặc biệt khi tỷ trọng vốn hóa của một số nhóm ngành có tiềm năng tăng giá như Nguyên vật liệu, Dịch vụ Tài chính hoặc Bán lẻ đều không đáng kể nếu so với tỷ trọng vốn hóa của nhóm Ngân hàng. Qua đó, sẽ tạo ra hiệu ứng vòng lặp phản hồi khiến áp lực bán dần lan rộng ngược trở lại đối với các nhóm này do hệ số Beta cao đối với VN-Index.
- Trong ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ tìm được vùng hỗ trợ tại 1.280 điểm và tiếp tục hướng về vùng cản tâm lý 1.300 điểm.** Tuy nhiên, rung lắc có thể sẽ xuất hiện khi tâm lý chốt lời tăng cao khi VN-Index vượt vùng cản tâm lý và xu hướng này có thể kéo dài đến khi VN-Index chinh phục thành công mốc 1.330 điểm kết hợp đồng thời với sắc xanh cần phải lan tỏa đến nhiều nhóm ngành. Ngoài ra, chúng tôi cũng dành sự theo dõi nhất định đối với bức tranh kết quả kinh doanh quý 3; đặc biệt khi so sánh với mức nền tương đối thấp của cùng kỳ năm trước.
- Bên cạnh các câu chuyện về thị trường, các yếu tố cần phải theo dõi trong tháng 10 bao gồm:**
 - Quyết định nâng hạng thị trường và đánh giá của FTSE:** Kết thúc kỳ đánh giá xếp hạng tháng 9/2024, FTSE Russell sẽ đưa ra công bố chính thức sau khi thị trường chứng khoán Mỹ đóng cửa phiên ngày 08/10 sắp tới. Tại đây, chúng tôi duy trì quan điểm ở kỳ báo cáo chiến lược tháng 9 rằng việc phê duyệt Thông tư 68/2024/TT-BTC nhằm sửa đổi bốn thông tư liên quan đến hoạt động giao dịch và môi giới chứng khoán nhằm giải quyết bài toán giao dịch không ký quỹ (Non Pre-funding Solution - NPS) dành cho nhà đầu tư nước ngoài sẽ là một bước đệm phù hợp giúp thị trường Việt Nam tiến gần hơn đến quyết định nâng hạng trong tương lai. Tuy vậy, **kỳ vọng sáng giá nhất đối với cơ hội đánh giá nâng hạng sẽ rơi vào tháng 9/2025** trong bối cảnh quá trình áp dụng và vận hành thực tế sẽ cần thời gian kiểm chứng cũng như đưa ra các thay đổi cần thiết nhằm ghi nhận tính hiệu quả của các thay đổi trong chính sách cũng như việc áp dụng hệ thống giao dịch mới.
 - Kết quả kinh doanh quý 3:** Chúng tôi kỳ vọng tổng lợi nhuận sau thuế và lợi ích cổ đông thiểu số (NPATMI) của các doanh nghiệp niêm yết tại sàn HOSE sẽ ghi nhận mức tăng trưởng đột phá trong quý III/2024 với sự dẫn dắt của các nhóm ngành như Ngân hàng và Bán lẻ; đặc biệt là khi so sánh với mức nền tương đối thấp của quý III/2023 (tổng NPATMI toàn sàn HOSE ghi nhận đạt khoảng 82 nghìn tỷ đồng, giảm 9,5% YoY và 9,7% QoQ).
 - Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV dự kiến khai mạc vào ngày 21/10/2024:** Dự kiến Quốc hội khai mạc vào thứ Hai, ngày 21/10/2024 và thời gian Đợt 1 là 15 ngày (từ ngày 21/10 đến ngày 8/11/2024); Đợt 2: 9 ngày, từ ngày 18/11 đến ngày 28/11/2024; Quốc hội làm việc khoảng 24 ngày, bế mạc ngày 28/11/2024. Theo đó, Chính phủ dự kiến trình Quốc hội 71 hồ sơ, tài liệu, tờ trình, báo cáo gồm: 15 luật trình Quốc hội xem xét thông qua; 10 luật trình Quốc hội cho ý kiến; 13 tờ trình, báo cáo tại Hội trường; 33 báo cáo gửi đại biểu Quốc hội nghiên cứu. Tại đây, chúng tôi dành sự quan tâm đặc biệt đối với một số dự án luật dự kiến được thông qua hoặc các dự án luật sẽ được đóng góp ý kiến như **(1) Luật đầu tư công; (2) Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); (3) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi); (4) Luật Dữ liệu; (5) Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.**

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		5.292.631	1.287,94	1.297,39	1.042,40	0,32	3,42	0,30	14,0	11,6	15,9	1,7	12,0	17,07	23,63
VN30 Index		3.716.050	1.352,56	1.354,91	1.047,63	1,58	5,81	4,29	19,5	16,0	12,5	1,7	14,6	20,47	15,07
VN70 Index		1.032.683	1.943,23	2.010,65	1.485,14	1,11	1,13	0,08	12,4	18,2	17,2	1,6	10,0	14,47	33,85
VNFinLead Index		2.254.777	2.146,72	2.154,30	1.674,49	4,34	8,09	1,09	18,2	15,9	9,0	1,4	15,2	19,59	10,12
Ngân hàng	VCB	514.196	92.000	98.000	80.300	0,33	7,98	-3,06	14,57	5,14	15,5	2,8	20,0	23,4	6,6
	BID	283.312	49.700	55.500	35.584	1,64	14,91	-4,61	14,52	26,28	12,4	2,2	19,1	17,2	12,8
	CTG	198.421	36.950	37.200	24.745	5,42	19,19	3,94	36,35	37,40	9,6	1,4	16,0	26,6	3,4
	TCB	170.490	24.200	25.250	14.050	3,64	3,64	1,79	52,20	43,83	8,0	1,3	16,6	21,2	1,3
	VPB	159.472	20.100	22.500	17.800	6,07	7,77	1,77	4,69	-7,37	13,2	1,2	9,8	25,3	4,7
	MBB	136.373	25.700	25.800	17.000	3,42	15,77	1,18	37,80	38,92	6,3	1,3	23,4	23,2	0,0
	ACB	115.016	25.750	26.000	18.522	3,83	8,19	3,90	23,90	35,53	7,0	1,5	23,9	30,0	0,0
	HDB	82.134	28.200	28.400	16.900	1,81	22,61	17,01	38,92	62,54	6,6	1,6	27,0	18,9	1,1
	LPB	81.716	31.950	32.800	13.650	1,75	13,30	82,05	102,86	130,69	9,4	2,1	26,1	0,5	4,5
	STB	62.872	33.350	33.650	26.300	9,17	15,80	5,54	19,32	8,81	7,8	1,3	18,0	23,7	6,3
	VIB	57.497	19.300	21.154	15.043	5,18	7,53	-8,21	15,21	16,70	7,5	1,5	21,4	15,4	-10,4
	SSB	48.337	17.050	22.536	15.200	-11,20	-6,88	-12,36	-18,96	-22,53	10,9	1,5	15,2	0,1	4,9
	TPB	45.442	17.200	17.450	13.333	15,31	20,00	8,06	18,62	15,63	9,7	1,3	14,2	29,9	0,1
	SHB	40.287	11.000	12.500	10.150	4,27	-3,51	-3,51	1,85	-0,90	5,0	0,7	15,4	3,0	27,0
	EIB	35.019	18.800	18.900	15.514	8,44	6,43	9,33	9,62	12,07	16,2	1,5	9,9	2,5	27,4
MSB	33.930	13.050	13.150	9.423	12,50	18,64	16,60	30,50	23,38	7,1	1,0	14,9	29,7	0,3	
OCB	29.836	12.100	13.500	10.250	1,68	2,98	-2,88	9,17	8,36	10,7	1,0	10,2	20,9	1,1	
Dịch vụ tài chính	SSI	54.753	27.900	31.541	22.127	2,89	2,13	-9,94	5,72	9,04	18,1	2,1	12,2	43,0	57,0
	VND	23.215	15.250	21.829	14.100	-1,61	-4,98	-24,36	-21,98	-17,33	8,5	1,2	15,0	12,8	87,2
	HCM	21.788	30.950	31.450	18.061	5,63	18,13	4,92	30,27	45,84	21,1	2,0	10,6	46,8	2,2
	VCI	21.083	36.700	41.846	26.846	2,71	3,49	-11,32	11,60	15,66	26,7	2,4	9,6	19,3	80,7
	VIX	17.502	12.000	14.131	8.432	-1,23	9,78	-12,39	5,28	14,31	17,6	1,3	7,7	3,3	96,7
	FTS	14.072	46.000	47.850	24.857	5,26	13,58	3,54	44,23	48,05	24,1	3,5	15,2	30,4	69,6
	SHS	12.685	15.600	21.400	13.800	-4,88	-7,14	-22,39	-17,46	-9,30	11,9	1,2	10,5	8,4	40,6
	EVF	8.592	12.200	19.550	11.150	0,00	-14,69	-26,51	-23,75	0,00	16,3	0,9	6,2	0,9	14,1
Bảo hiểm	BVH	31.809	42.850	47.100	38.550	-5,82	-6,85	0,23	8,48	1,66	17,1	1,4	8,6	26,5	22,5

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 30/09/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Nguyên vật liệu	HPG	168.541	26.350	29.950	20.909	3,33	-6,89	-4,18	3,70	10,21	15,0	1,5	10,8	22,4	26,6
	GVR	143.000	35.750	39.000	18.000	1,13	4,53	7,84	68,63	83,33	50,6	2,8	5,6	0,5	12,5
	DGC	43.864	115.500	132.000	81.500	1,58	-5,71	-6,40	22,35	23,53	15,4	3,3	23,1	18,2	30,9
	DCM	20.382	38.500	40.250	27.000	2,94	6,94	9,53	18,83	17,56	15,0	2,1	12,9	7,5	41,5
	DPM	13.931	35.600	41.000	30.500	2,15	-1,39	-0,56	6,91	-3,52	21,1	1,2	5,4	9,1	39,9
	HSG	13.120	21.300	25.800	17.200	2,40	-10,88	-9,94	-6,58	6,50	11,3	1,2	10,6	11,1	37,9
	PHR	8.130	60.000	64.800	44.000	0,84	-0,99	-6,10	20,72	26,58	19,5	2,1	11,4	18,2	30,8
	NKG	5.818	22.100	27.200	17.950	1,38	-6,16	-13,84	-10,34	11,90	13,8	1,0	7,4	10,9	39,1
	AAA	3.704	9.690	12.600	8.180	-4,06	-12,31	-13,48	2,54	3,75	7,8	0,6	8,3	2,2	97,9
	DHC	2.990	37.150	47.400	36.000	-2,37	-4,99	-14,89	-2,24	-18,17	12,5	1,6	13,0	39,2	10,8
Bất động sản	VHM	186.367	42.800	47.500	34.000	3,13	13,68	-0,12	-0,93	-5,93	7,7	0,9	13,1	13,8	36,2
	VIC	160.594	42.000	48.200	39.750	-4,98	1,94	-11,86	-5,83	-10,35	41,8	1,2	3,0	10,2	37,8
	BCM	72.657	70.200	74.000	51.700	-2,50	10,03	8,17	11,61	1,01	28,6	3,8	14,8	2,1	32,0
	VRE	43.401	19.100	27.550	16.800	-0,52	-6,60	-26,11	-18,03	-26,82	9,4	1,1	11,9	21,9	27,1
	KDH	35.376	38.900	39.000	28.550	3,18	5,42	2,91	23,89	31,06	52,6	2,2	4,4	37,8	12,2
	NVL	21.549	11.050	18.950	10.750	-14,67	-16,92	-35,94	-35,19	-29,17	N/A	0,7	-16,7	4,7	44,4
	KBC	21.646	28.200	35.850	24.200	5,42	-2,76	-19,31	-11,18	-12,15	78,6	1,1	1,5	20,6	28,4
	PDR	19.646	22.500	29.995	16.750	4,41	-5,06	-21,81	-10,58	3,99	33,2	1,6	5,0	6,8	43,2
	VPI	16.959	58.400	58.500	43.417	3,18	20,21	20,00	27,42	32,23	90,3	4,3	4,9	1,7	47,3
	NLG	15.988	41.550	45.150	32.050	1,34	0,36	-4,15	13,37	18,71	38,6	1,7	4,4	49,8	0,2
	SIP	15.032	71.400	85.391	45.043	-7,15	-7,74	-12,65	29,10	35,27	15,0	3,9	28,2	2,5	46,5
	DXG	12.036	16.700	20.450	12.200	6,37	4,38	-15,87	-13,70	-6,68	60,1	1,0	1,7	18,1	31,9
	CEO	8.647	16.000	23.143	13.300	-0,62	1,82	-26,64	-25,99	-21,13	51,5	1,4	3,5	4,8	44,2
	KOS	8.151	37.650	40.600	36.500	-5,88	-4,20	-0,13	-5,04	-4,20	345,3	3,5	1,0	0,2	48,8
	SJS	7.882	69.200	81.000	55.100	-1,42	9,84	-5,21	-0,29	11,79	36,0	2,7	7,9	0,7	49,3
	SZC	6.776	37.650	44.950	28.078	1,48	-2,84	-14,43	2,82	29,73	22,4	2,2	11,6	2,9	17,2
	HHV	5.252	12.150	15.619	10.000	3,40	4,57	-17,16	-17,43	-13,51	13,2	0,6	4,5	8,3	40,7
	HDC	4.807	26.950	29.087	22.478	8,94	7,43	-5,04	1,65	7,75	33,1	2,0	6,4	2,9	46,1
	ASM	3.454	9.330	11.909	7.555	-0,53	-6,27	-21,36	-1,32	2,12	17,6	0,6	3,6	12,5	36,5
	AGG	2.604	16.650	25.360	15.760	-5,40	-12,55	-12,92	-21,46	-32,97	7,9	0,8	11,6	1,0	49,0

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 30/09/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	REE	31.369	66.600	72.300	46.696	-2,92	6,39	20,05	34,84	21,19	17,6	1,8	10,5	49,0	0,0
	VGC	19.548	43.600	60.200	40.700	-1,36	-16,31	-25,34	-20,58	-6,03	24,4	2,4	10,0	4,0	45,1
	IDC	19.008	57.600	66.000	43.600	-4,95	-3,52	-2,37	10,56	24,41	10,3	4,0	38,0	24,6	24,4
	GEX	18.693	21.750	25.350	18.550	2,84	-1,58	-12,65	-7,84	4,57	17,0	1,4	8,3	8,0	42,0
	HUT	14.726	16.500	24.500	15.300	-2,94	-2,94	-14,95	-18,32	-32,65	211,5	1,7	1,0	1,6	48,4
	CTR	14.458	126.400	161.800	72.600	-1,33	-10,10	-8,60	37,69	62,26	27,5	7,7	29,6	9,7	39,3
	DIG	14.149	23.200	33.900	20.000	0,00	-12,62	-27,95	-13,27	-7,57	350,4	1,7	0,5	5,0	44,0
	TCH	12.128	18.150	21.100	10.900	-1,89	-4,47	15,61	37,50	56,47	14,8	1,3	8,8	5,7	45,3
	VCG	11.224	18.750	23.482	16.400	-0,27	2,74	-17,65	-14,98	-13,04	13,9	1,4	11,3	8,1	40,9
	BMP	9.709	118.600	127.900	81.100	14,04	18,60	7,82	13,71	37,91	10,2	3,6	34,6	84,3	15,7
	HDG	9.400	27.950	33.000	22.318	-0,89	-0,71	5,11	11,39	9,22	15,0	1,5	10,5	14,8	35,2
	PC1	9.019	29.000	31.900	22.087	2,65	0,87	1,93	0,69	7,93	25,5	1,6	6,6	14,3	35,7
	CTD	6.376	63.800	77.600	47.800	0,47	-8,99	-12,60	-7,27	33,47	20,0	0,7	3,7	46,7	2,3
BCG	5.757	6.540	9.318	6.310	-1,80	-13,84	-18,25	-18,44	-27,19	62,3	0,6	0,9	1,3	48,7	
Thực phẩm và Đồ uống	VNM	146.506	70.100	76.000	64.000	-5,14	7,02	3,70	3,70	-5,53	17,0	4,3	25,6	51,8	48,2
	MSN	108.883	75.700	81.100	56.000	-1,05	1,34	2,02	12,99	-0,79	160,3	3,3	2,3	28,2	20,8
	SAB	74.132	57.800	73.300	52.000	0,52	-3,67	1,94	-8,25	-20,28	17,3	3,1	17,6	60,8	39,2
	VHC	16.228	72.300	78.500	56.083	-1,77	3,14	-7,78	16,61	9,96	19,9	1,9	9,1	29,7	70,3
	KDC	14.954	51.600	61.056	51.000	-6,86	-6,18	-10,48	-11,20	-12,86	#N/A N/A	2,2	-6,1	21,6	28,4
	HAG	11.473	10.850	15.300	7.730	1,88	-10,33	-16,86	-17,80	40,54	5,7	1,4	27,3	2,4	46,6
	DBC	9.705	29.000	31.702	16.561	1,93	-0,85	4,04	23,03	53,92	34,4	1,7	5,0	11,1	37,9
	SBT	9.552	12.900	14.850	10.800	2,79	9,32	4,03	-2,27	-11,95	15,8	0,9	6,4	22,1	77,9
	PAN	4.930	23.600	25.450	17.550	3,28	-1,67	-5,03	16,83	15,97	10,0	1,0	10,3	18,4	30,6
Tiện ích	GAS	171.484	73.200	88.725	72.059	-10,37	-2,53	-6,90	-1,11	-17,68	15,0	2,4	16,1	1,9	47,1
	POW	30.679	13.100	15.350	10.450	-2,60	-12,08	14,91	16,44	12,93	28,6	0,9	3,3	3,9	45,1
	BWE	9.985	45.400	47.900	35.044	2,60	-0,66	15,01	25,62	12,03	18,6	2,0	11,2	12,5	36,5
	NT2	5.700	19.800	26.600	19.200	0,51	-8,76	-20,32	-19,18	-19,18	122,4	1,4	1,0	13,3	35,7

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 30/09/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Đầu khí	PLX	56.541	44.500	51.400	32.850	-8,44	8,80	19,30	28,99	18,67	15,4	2,2	14,7	18,0	2,0
	PVS	19.405	40.600	48.000	33.500	-0,49	0,00	3,57	6,84	5,18	18,0	1,5	8,4	22,6	26,4
	PVD	15.398	27.700	33.500	24.500	0,91	-3,82	-14,37	-2,12	7,36	28,7	1,0	4,4	13,9	35,1
	PVT	9.951	27.950	32.700	21.409	-2,78	-2,27	7,31	16,46	8,64	10,2	1,4	14,8	13,2	35,8
May mặc và trang sức	PNJ	33.385	98.800	107.500	72.600	-3,33	3,46	-0,10	14,88	25,38	15,8	3,0	20,6	49,0	0,0
	PTB	4.063	60.700	75.000	53.600	-7,04	-14,63	-7,89	2,88	4,12	12,4	1,4	11,9	24,9	0,1
Bán lẻ	MWG	99.556	68.100	70.800	37.600	-2,44	9,13	33,27	59,11	29,47	44,0	3,7	8,9	47,0	2,0
	FRT	24.251	178.000	186.100	86.400	-2,04	0,56	14,10	66,36	100,00	N/A	14,4	-3,3	37,1	11,9
	DGW	10.174	46.850	53.462	34.769	-1,61	-0,48	-7,86	16,45	5,19	26,7	3,6	14,1	26,4	22,6
Phần mềm và dịch vụ	FPT	196.430	134.500	139.600	73.913	-0,22	3,07	32,77	60,95	66,68	27,4	7,1	27,6	46,3	2,8
	CMG	9.672	50.800	71.000	34.945	-3,79	-16,72	27,16	16,78	34,12	28,5	3,5	12,8	42,9	7,1
Vận tải	VJC	56.869	105.000	119.600	95.600	-0,28	3,45	1,94	-2,78	5,74	61,7	3,5	5,9	13,5	16,5
	GMD	24.218	78.000	87.800	60.500	-3,11	-6,02	-2,13	10,64	17,65	19,8	2,5	13,3	48,9	0,1
	SCS	7.496	79.000	93.800	63.000	-4,70	-8,14	4,08	9,87	17,04	12,1	5,6	47,4	23,7	6,3
	CII	4.941	15.500	19.950	13.600	0,65	-0,96	-18,85	-10,14	-19,69	12,7	0,8	6,0	5,9	34,1

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 30/09/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi CTCP Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.